



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

---

## 2018



# MỤC LỤC

## 01

### Lời mở đầu

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi - Phương châm hoạt động
3. Sự kiên tiêu biểu trong năm

## 02

### Thông tin chung

1. Thông tin chung về doanh nghiệp
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Vị thế của doanh nghiệp
6. Định hướng phát triển
7. Rủi ro

## 05

### Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

## 03

### Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

## 06

### Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch và thù lao của Ban lãnh đạo
4. Tăng cường quản trị công ty
5. Quản trị rủi ro

## 04

### Báo cáo của Ban Giám đốc

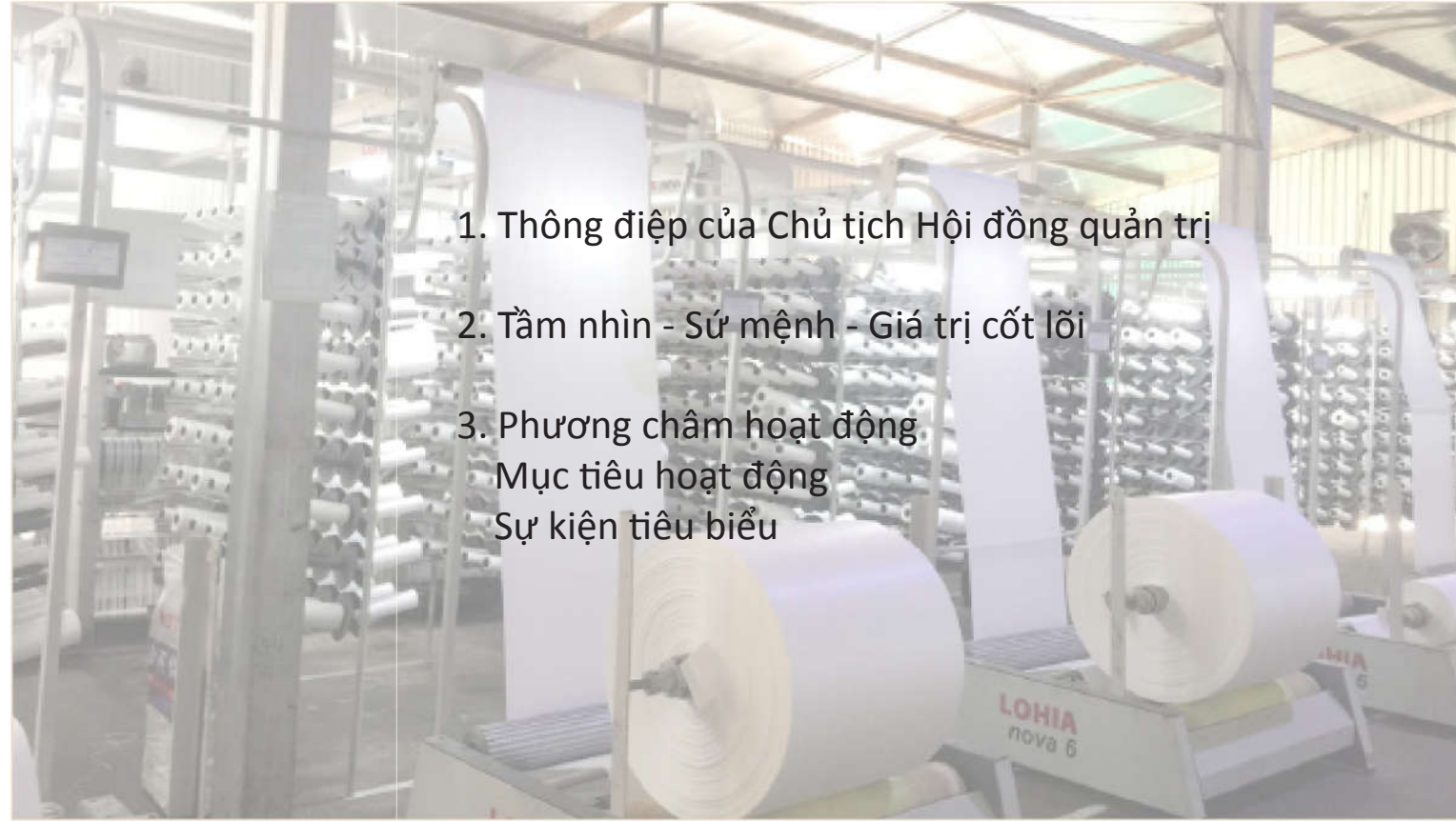
1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
4. Phương hướng phát triển
5. Giải trình về ý kiến kiểm toán

## 07

### Phát triển bền vững

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Đánh giá của BGD
3. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

# LỜI MỞ ĐẦU



1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
3. Phương châm hoạt động  
Mục tiêu hoạt động  
Sự kiện tiêu biểu

## Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

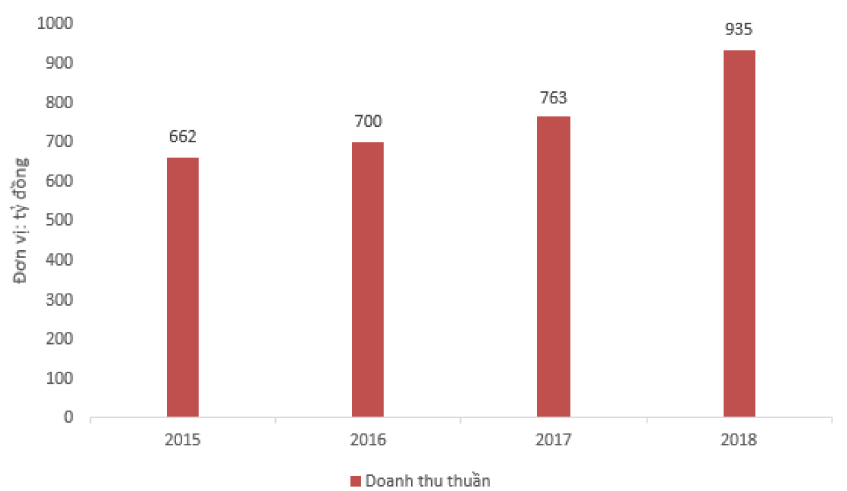
Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác và toàn thể các cán bộ công nhân viên trong công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh. Thay mặt Ban lãnh đạo tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý vị - những người đã dành sự ủng hộ cho công ty trong suốt thời gian qua. Năm 2018 có thể nói là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp tục leo thang. Theo Ngân hàng thế giới Worldbank kinh tế toàn cầu tăng trưởng 3.1% trong năm 2018. Năm 2018 cũng là năm đánh dấu bước tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế trong nước khi GDP tăng 7.08% so với năm 2017, đây là mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2018 trở lại đây. Một số dự án lớn trong năm 2018 có tác động đến doanh nghiệp: dự án nhà máy sản xuất PP và kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) do Hàn Quốc đầu tư. Lạm phát giữ ở mức cơ bản 1.48% so với năm 2017. Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh cũng không nằm ngoài sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế khi doanh thu thuần năm 2018 đạt 931,451,763,872 đồng tăng 24% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 27,877,520,149 tăng 8.8% so với kế hoạch. Năm 2018 là một năm có thể nói là khá thuận lợi đối với ngành sản xuất bao bì xi măng khi mà sản lượng xi măng đạt mức kỷ lục triệu tấn và thuế xuất khẩu xi măng giảm về 0%. Tuy nhiên giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn biến động rất bất ổn. Trong tình hình đó, toàn thể ban lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên công nhân của công ty chúng tôi đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để vượt qua những khó khăn, thách thức nắm bắt được những thuận lợi của thị trường để gia tăng sản lượng. Tầm nhìn của công ty chúng tôi trong thời gian tới đó là phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về sản xuất bao bì. Để làm được điều này thì chúng tôi phải luôn cố gắng nỗ lực không ngừng trong từng yếu tố như: con người, máy móc thiết bị. Giá trị cốt lõi

của công ty chúng tôi xác định ngay từ khi thành lập đó là luôn lấy con người là trung tâm trong mọi công đoạn của quá trình sản xuất. Người lao động quyết định chất lượng, người lao động cũng chính là nhân tố quyết định khách hàng. Do đó công ty không ngừng có các chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề. Sang năm 2019 với những dự báo khả quan của ngành nhựa, bao bì và theo dự báo của cơ quan năng lượng Hoa Kỳ EIA trong năm 2019 giá dầu Brent sẽ ổn định hơn, trung bình ở mức 72 USD/thùng giảm nhẹ so với trung bình năm 2018. Do vậy, giá hai loại nguyên liệu là PE và PP cũng được kỳ vọng sẽ ổn định ở mức trung bình khoảng 1,210 USD/tấn và 1,255 USD/tấn giảm nhẹ khoảng 1% so với giá trung bình năm 2018. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó lâu năm với chúng tôi vì luôn tin tưởng vào những giá trị, cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hi vọng trong những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá này từ quý vị. Lời cuối cùng thay mặt ban lãnh đạo xin chúc quý vị và gia đình bước sang năm mới luôn hạnh phúc, an khang, thịnh vượng. Xin chân thành cảm ơn!

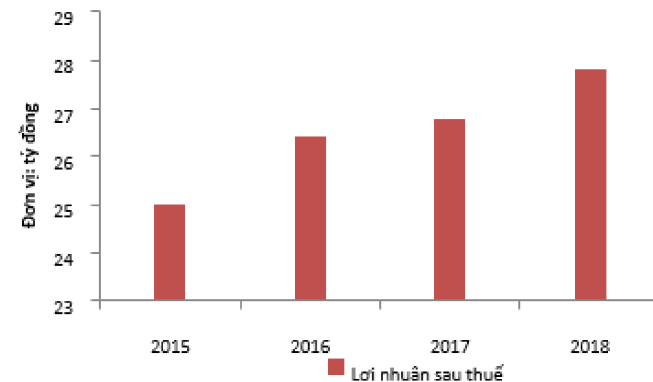
Ký tên

## Một số chỉ tiêu cơ bản

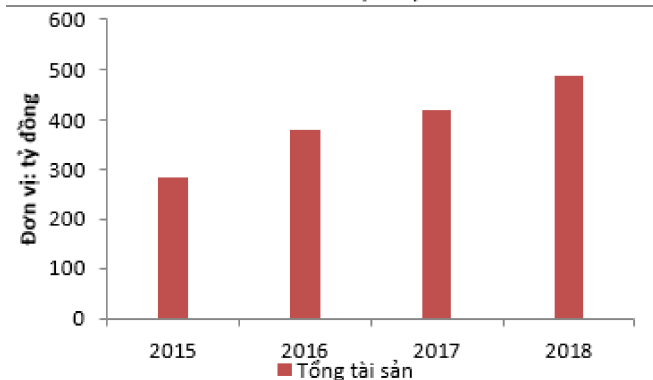
Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần	662,812,336,420	700,071,028,123	763,322,374,110	935,169,447,077
Lãi gộp	71,212,642,137	78,108,678,493	80,408,492,396	87,868,839,375
Lợi nhuận trước thuế	32,890,575,310	33,275,906,032	34,215,824,857	35,040,815,333
Lợi nhuận sau thuế	25,490,659,710	26,435,571,637	26,811,349,918	27,877,520,149
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	284,165,310,747	380,231,750,447	419,909,414,009	486,357,831,405
Tài sản ngắn hạn	235,253,995,050	299,053,066,982	316,785,092,510	388,049,661,009
Tài sản dài hạn	48,911,315,697	81,178,683,465	103,124,321,499	98,308,170,396
Nợ phải trả	189,031,247,265	282,025,674,728	315,460,053,372	374,662,894,619



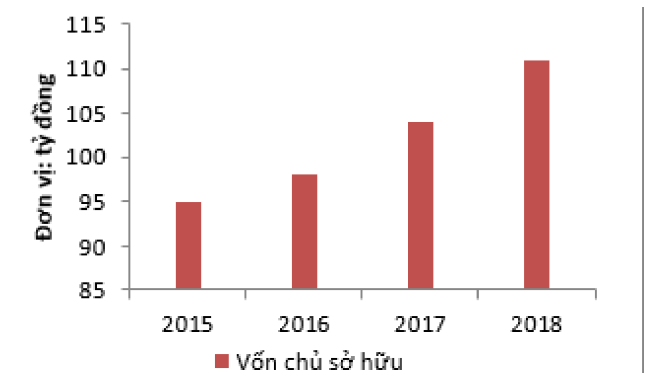
### 1. Lợi nhuận sau thuế 2015 - 2018



### 2. Tổng tài sản 2015 - 2018



### 3. Vốn chủ sở hữu 2015 - 2018



## Giá trị cốt lõi

### Chất lượng sản phẩm

Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh luôn lấy chất lượng sản phẩm làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động kể từ khi hoạt động đến bây giờ. Công ty đã được cấp chứng chỉ Halal xác nhận sản phẩm không có các chất cấm theo yêu cầu Shari'ah Islamiah (Luật Hồi giáo) và đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thực phẩm trong quá trình sản xuất. Chứng nhận HALAL là chương trình đánh giá theo chuẩn mực quốc tế cho sản phẩm/dịch vụ có trách nhiệm. Đây là quá trình xem xét đánh giá độc lập, khách quan để xác nhận/công nhận rằng những sản phẩm/dịch vụ cụ thể được đánh giá không sử dụng các thành phần Haram (bị cấm) và điều kiện sản xuất/cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu của luật Shari'ah và tiêu chuẩn Halal. Việc được cấp chứng chỉ này cũng giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm sang các nước Hồi giáo.

### Đầu tư máy móc, thiết bị

Đặc thù của sản xuất bao bì đó là mặc dù các công ty có thể sử dụng thiết bị, công nghệ và vật tư để sản xuất bao bì được nhập ngoại từ nhiều nước khác nhau. Nhưng về cơ bản công nghệ làm vỏ bao bì là như nhau. Do đó, doanh nghiệp rất chú trọng đến việc đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị để gia tăng sản lượng tiết kiệm thời gian, chi phí nhân công trong quá trình sản xuất. Năm 2018, thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, với 100% phiếu tán thành cổ đông đã thông qua kế hoạch đầu tư hàng loạt máy móc thiết bị mới với tổng vốn đầu tư hơn 14 tỷ đồng.

### Đào tạo lao động

Công ty hiện đang có 960 công nhân trực tiếp sản xuất trong đó có trên 80% lao động có tay nghề bậc 3 trở lên. Bên cạnh đó, công ty luôn có những chính sách khen thưởng đãi ngộ dành cho người lao động nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống của họ.



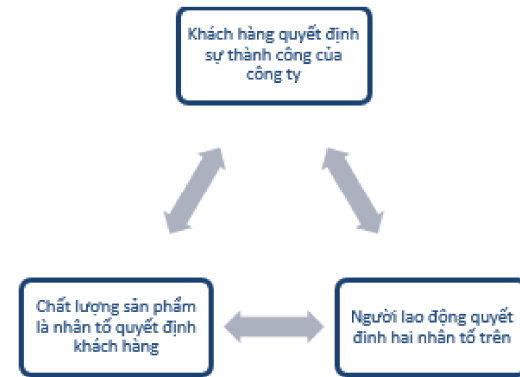
## Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về lĩnh vực sản xuất, cung cấp bao bì Nhựa và lọt vào top những doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa lớn nhất Việt Nam.

## Sứ mệnh

Mang đến những những sản phẩm bao bì ngày càng chất lượng, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia.

## Phương châm hoạt động



Khách hàng là nhân tố quyết định sự thành công của công ty. Để thực hiện phương châm này, Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh đã không ngừng có những chương trình chăm sóc, tri ân khách hàng đã gắn bó với công ty nhiều năm. Điều này đã được chứng minh khi công ty có một số lượng khách hàng đã gắn bó thân thiết với công ty trong suốt thời gian qua. Chất lượng sản phẩm là nhân tố quyết định khách hàng. Đây cũng là lý do mà khách hàng của công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh luôn có một lượng khách hàng gắn bó lâu năm. Trong những năm vừa qua, công ty đã mạnh dạn đầu tư mở rộng nhà máy, máy móc thiết bị để gia tăng năng lực sản xuất, nâng cao mẫu mã, chất lượng sản phẩm.

## Mục tiêu hoạt động

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình và các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật. Khai thác tối đa các nguồn lực của Công ty, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

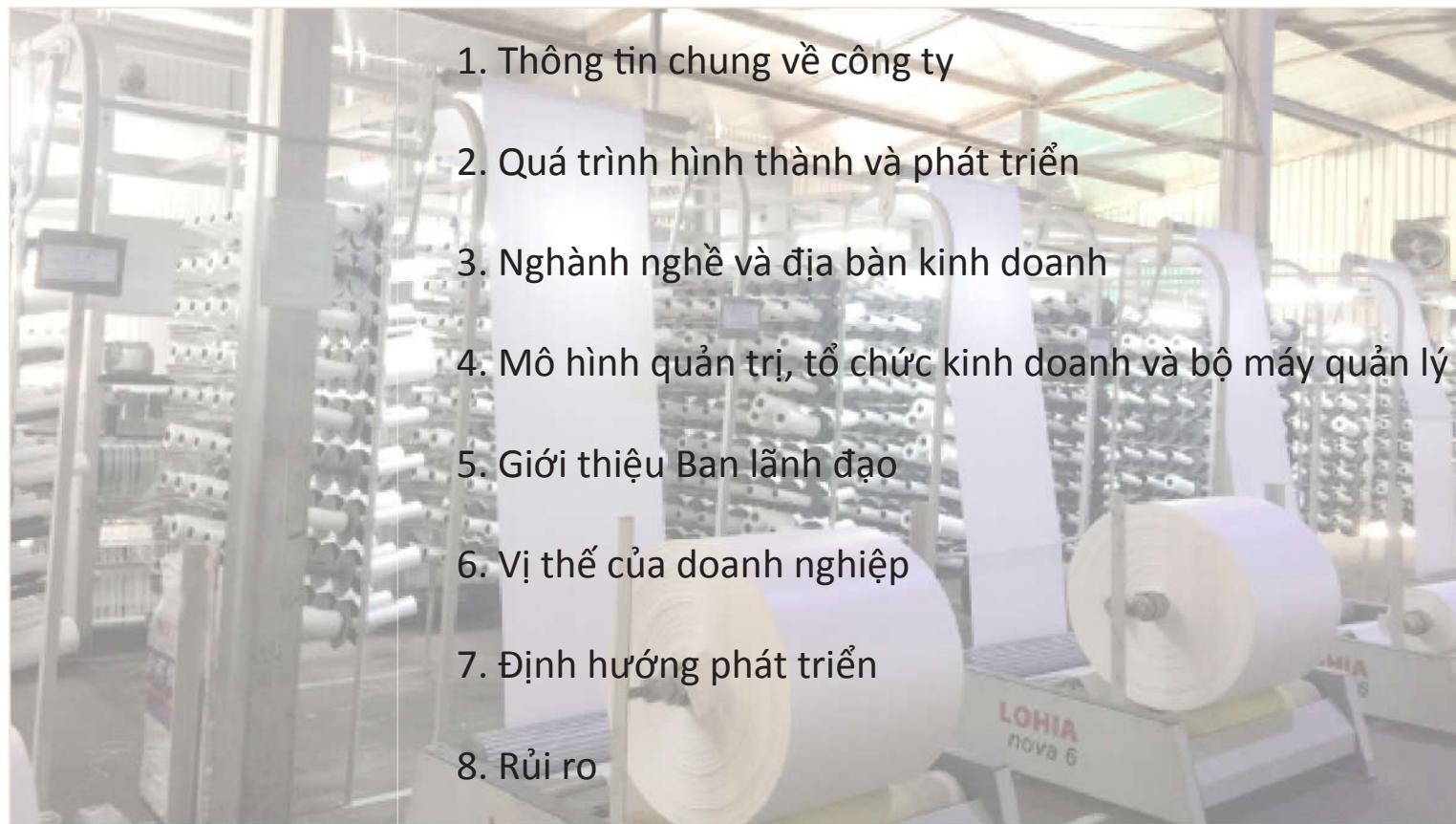


## Sự kiện tiêu biểu

Công ty cổ phần nhựa bao bì Vinh có dự án mở rộng nhà máy số 4. Về tiến độ dự án thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Năm 2018 hoàn thiện thủ tục thuế đất, đền bù giải phóng mặt bằng, san nền và xây bờ rào. Ngày 29/6/2018: Phó Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng bộ tài chính nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào cùng đoàn đại biểu của Chính phủ Lào đã có chuyến thăm làm việc tại quân khu 4. Cùng ngày, đoàn cũng có chuyến thăm quan đây chuyên sản xuất của công ty cổ phần nhựa, bao bì Vinh. Đây là niềm vinh dự cũng là niềm khích lệ tinh thần làm việc và lao động của toàn thể cán bộ, công nhân viên của công ty.



# THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin chung về công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Giới thiệu Ban lãnh đạo
6. Vị thế của doanh nghiệp
7. Định hướng phát triển
8. Rủi ro

Thông tin chung  
về công ty

**Tên công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh

**Tên giao dịch**

Vinh Plastics Bags Joint Stock Company

**Địa chỉ**

Số 18, đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, TP. Vinh, Nghệ An

**Số điện thoại**

0238 385 5524

**Số fax**

0238 385 6007

**Website**

[www.nhuabaobivinh.com](http://www.nhuabaobivinh.com)

**Vốn điều lệ**

74,999,720,000 đồng

**Mã cổ phiếu**

VBC

**Giấy CNĐKDN Số**

2703000092

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Lê Xuân Thọ

**Biểu tượng công ty**





## Quá trình hình thành và phát triển

**1996**

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế - Quận khu 4, được thành lập theo quyết định số 1531/QĐ/QP ngày 31 tháng 08 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**2002**

Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế thành Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh theo quyết định số 144/2002/ QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**2003**

Công ty chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 14,000,000,000 đồng.

**2006**

Công ty tăng vốn điều lệ lên 15,000,000,000 đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu.

**2008**

Công ty tăng vốn điều lệ lên 18,983,640,000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

**2010**

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 17/03/2010.

**2011**

1.101.625 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 19/01/2011, nâng tổng khối lượng niêm yết lên 29,999,890,000 đồng.

**2017**

Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng số vốn điều lệ lên 74,999,720,000 đồng.

# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## Ngành nghề kinh doanh



- In ấn, chi tiết: in bao bì.
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì xi măng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà ở.
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán xi măng

## Địa bàn kinh doanh

### Thị trường trong nước

Công ty cung cấp vỏ bao KP, KPK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy sản xuất xi măng như: The Vissan, Xi măng Nghi Sơn, Xi măng sông Gianh, Xi măng bút sơn, Xi măng Thành Thắng, xi măng Hoàng Mai với sản lượng 90 - 100 vỏ bao xi măng/ năm và 2,400,000 bao jumbo; sling/năm.

Công ty hiện nay cũng đang cung cấp các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất đường và phục vụ cho ngành nông nghiệp như: Đạm Ninh Bình, Phân bón Lâm Thao, Phân bón Bình Điền, nhà máy đường Thạch Thành, đường quỳ hợp, nhà máy bột sắn Thanh Chương.



### Thị trường nước ngoài

Sản phẩm bao Jumbo; sling, bao PP, OPP hiện đã có mặt tại thị trường các nước : New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Fiji, Nam Phi....

## Sản phẩm dịch vụ của Công ty

Bao bì xi măng, bao PK, bao KP



Bao bì PP



Bao bì OPP, BOP



Bao bì PE



Bao bì Jumbo, Sling



Hạt nhựa HDPE, LDPE, LLDPE



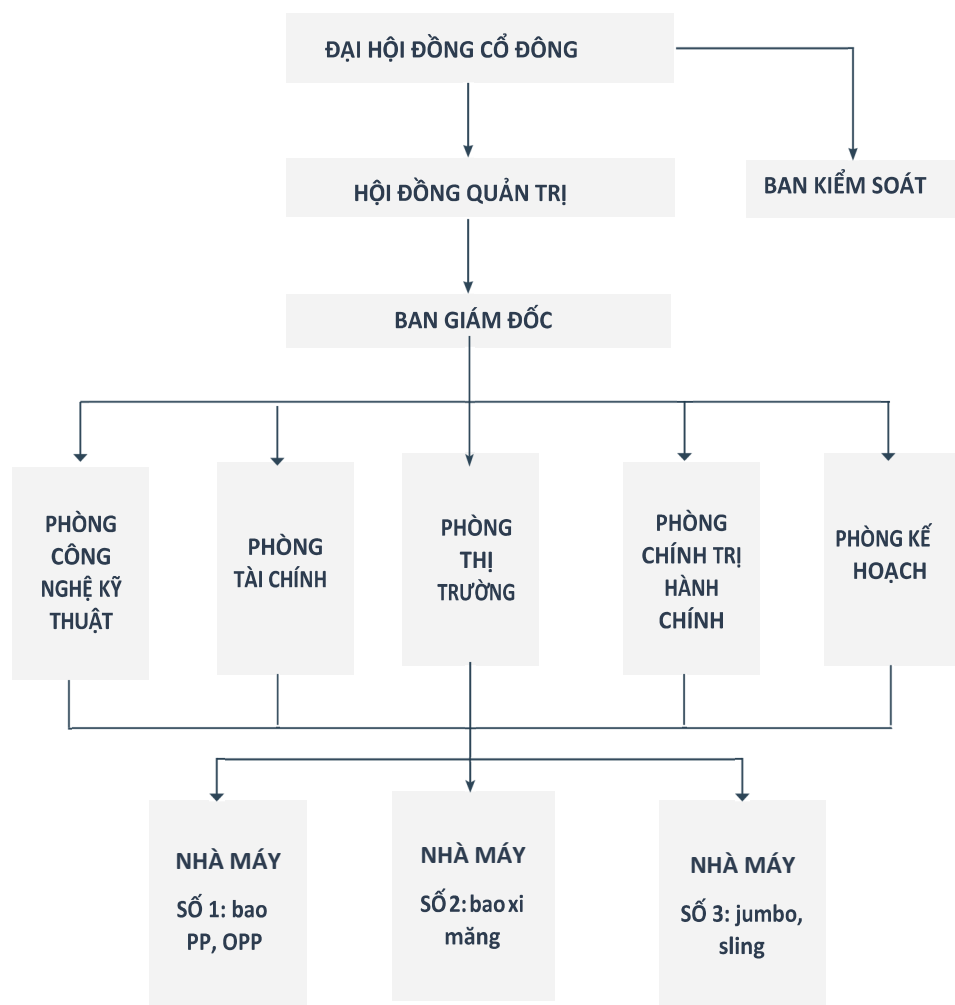
Hạt nhựa PP



Hạt nhựa tái sinh PP



# Mô hình quản trị



## Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty

## Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ lựa chọn. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

## Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm.

## Phòng thị trường

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác thị trường, xây dựng chiến lược thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thị trường dài hạn, ngắn hạn, kỹ thuật tìm kiếm, mở rộng thị trường, thực hiện công tác dịch vụ sau bán hàng.

## Phòng kỹ thuật

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc về công tác kỹ thuật thiết bị, kỹ thuật điện, công tác xây dựng cơ bản trong toàn Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa thiết bị định kỳ và đột xuất trong toàn Công ty.

## Phòng kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch, và đầu tư, công tác quản lý, đảm bảo công nghệ kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và đổi mới, cải tiến ứng dụng công nghệ mới. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, quý, tháng, đột xuất và các dự án đầu tư phát triển của Công ty, là trung tâm điều hành và phối hợp giữa các phòng ban phân xưởng thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Đảm bảo cung ứng vật tư nguyên nhiên liệu, tổng hợp phân tích đánh giá, báo cáo kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm.

## Phòng tài chính

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chi đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

## Phòng Chính trị HC

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

# Ban lãnh đạo

## Ông Phan Trí Nghĩa - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 18/06/1974  
 Nơi sinh: Đức Thọ - Tỉnh H. Tĩnh  
 Số CMND: 186540254, cấp 07/01/2013 - CA Nghệ An  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: Hà Huy Tập - TP. Vinh - Nghệ An  
 Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác:

1997 - 10/1998:	Nhân viên thị trường Sở xây dựng Hà Tĩnh
11/1998 - 05/2004:	Trưởng ban định mức tiền lương Công ty HKT - QK4; UVHQDT - CTCP Nhựa Bao bì Vinh
06/2004 - 01/2008:	Phó phòng tổ chức LĐTL Công ty HKT - QK4, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách)
07/2008 - 31/12/2015:	Tổng giám đốc, UVHQDT CTCP CN cao su COECCO, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách)
01/01/2016 - 20/03/2016:	Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh, UVHQDT CTCP CN Cao su COECCO
20/03/2016 - 24/04/2016:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách)
25/04/2016 - 01/09/2016:	Quản số thuộc phòng chính trị Công ty HKT - QK4
02/09/2016 - 21/04/2017:	P. Giám đốc Công ty, Kiểm soát nhà máy số 2 Công ty CP Nhựa Bao Bi Vinh
22/4/2017 - nay:	Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty CP Nhựa Bao Bi Vinh

## Ông Lê Xuân Thọ - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 20/02/1978  
 Nơi sinh: Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh  
 Số CMND: 187667079, cấp: 19/06/2017, CA Nghệ An  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: Hưng Dũng - TP. Vinh - Nghệ An  
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác:

2002 - 2004:	Trợ lý thị trường CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2005 - 2007:	Trưởng ban thị trường CTCP Nhựa Bao Bi Vinh
2007 - 2013:	Trưởng Phòng thị trường CTCP Nhựa, Bao Bi Vinh
2013 - 2017:	P. Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bi Vinh
7/2017 - 3/2018:	Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bi Vinh
2018 - nay:	Thành viên HĐQT

## Ông Phan Văn Toàn - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 30/01/1978  
 Nơi sinh: Đồng Hới - Quảng Bình  
 Số CMND: 194227883, cấp: 22/04/2016, CA Quảng Bình  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ học vấn: Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội  
 Quá trình công tác:

2002 - 2003:	Kế toán tổng hợp CT Xây lắp - Tổng Công ty HKT
2003 - 2016:	Kế toán trưởng CT TNHH MTV khoáng sản COECCO - Tổng Công ty HKT
3/2017 - 3/2018:	Kế toán trưởng CTCP Nhựa Bao bì Vinh
2018 - nay:	Thành viên HĐQT

## Ông Nguyễn Hữu Long - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 06/03/1976  
 Nơi sinh: Thanh Nam - Thanh Chương - Nghệ An  
 Số CMND: 011759059, cấp: 06/04/2007, CA Hà Nội  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội  
 Trình độ học vấn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh  
 Quá trình công tác:

1996 - 1998	Cán bộ kinh doanh Công ty phát triển tin học Hà Nội
1998 - 2002	Trưởng nhóm kinh doanh Công ty máy tính CMC
2002-2007	Tổng giám đốc Công ty máy tính Gia Long Digital
07/2017 - nay	Tổng giám đốc CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh
02/2018 - 04/2018	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái.
04/2018-nay	Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Nhựa, bao bì Vinh

## Bà Phạm Minh Nguyệt - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 07/03/1980  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Số CMND: 012097123, cấp 08/06/2007, CA Hà Nội  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: TT Viện Khoa học Việt Nam, Cầu Giấy, Hà Nội  
 Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kế toán  
 Quá trình công tác:

2003 - 2007	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 - nay	Nhân viên Kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
04/2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

## Ông Trần Ngọc Sâm - Trưởng BKS

Năm sinh: 20/06/1969  
 Nơi sinh: Thọ Diễn - Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa  
 Số CMND: 187698703, cấp: 07/01/2015, CA Nghệ An  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: Phường Trung Đô - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An  
 Trình độ học vấn: Đại học Tài Chính  
 Quá trình công tác:

1997 - 2006	Kế toán trưởng CTCP Nhựa - Bao bì Vinh
2007 - 2009	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây dựng COECCO Lào
2010 - 2011	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn
2012 - 2013	Trợ lý PTC Phòng tài chính Tổng Công ty Hợp tác kinh tế QK 4
2014 - 2016	Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp Cao su COECCO
2017 - nay	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách CTCP Nhựa Bao bì Vinh

## Ông Đinh Xuân Cường - Thành viên BKS

Năm sinh: 30/08/1976  
 Nơi sinh: Hoa Lư - Ninh Bình  
 Số CMND: 011976518, cấp: 6/6/2008, CA Hà Nội  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: 31/115 Trần Cung, Hà Nội  
 Trình độ học vấn: Tiến sĩ  
 Quá trình công tác:

2003 - 2006	Trader of Calyon Corporate & Investment Bank, Paris
2007 - 2010	Phó Tổng giám đốc INB Investment, Việt Nam
2011	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Ocean
07/2017 - nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần An Phát Holdings Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
02/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
7/2017 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh

## Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Thành viên BKS

Năm sinh: 03/04/1980  
 Nơi sinh: Yên Lộc - Hương Khê - Tỉnh Hà Tĩnh  
 Số CMND: 183161862, cấp: 16/07/2001, CA Hà Tĩnh  
 Dân tộc: Kinh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Nơi đăng ký HKTT: Tràng Thi - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An  
 Quá trình công tác:

Trợ lý kế toán tổng hợp - Tổng công ty Hợp tác kinh tế
Trưởng BKS - công ty CP gạch ngói 30/4 (Công ty con của Tổng hợp tác kinh tế)

# Định hướng phát triển

## Định hướng phát triển trung và dài hạn

Xuất phát từ mục tiêu cuối cùng mà Công ty hướng đến là sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh luôn không ngừng nỗ lực củng cố mọi hoạt động từ sản xuất kinh doanh cho đến xây dựng tổ chức bộ máy vận hành, quản trị doanh nghiệp thông qua việc định hướng rõ ràng, cụ thể mục tiêu cần hướng tới trong từng thời kỳ, hoạch định chiến lược để thực hiện những mục tiêu đã đề ra. Từ đó, hoàn thiện hơn nữa hình ảnh Công ty trong mắt khách hàng cũng như xây dựng mối quan hệ tốt đẹp đối với người lao động, nhà đầu tư và cả các đối tác.

## Về chiến lược sản phẩm

Công ty tiếp tục nâng cao và phát triển các sản phẩm hiện có về cả chất lượng lẫn sản lượng, mang đến sự tiện nghi cho khách hàng trong tiêu dùng cũng như tính tiện ích hay là cải thiện về mẫu mã sản phẩm phù hợp.

## Về chất lượng

Hướng tới các sản phẩm có chất lượng cao, hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm thống nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế. Doanh nghiệp luôn tuân theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

## Về chiến lược kinh doanh

Tiếp tục duy trì hệ thống phân phối sản phẩm với các đối tác đã gắn bó từ lâu bên cạnh đó cũng tận dụng những cơ hội tốt từ thị trường để hợp tác với những khách hàng tiềm năng.



## Về phát triển thị trường

Hướng tới cả thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu. Ở thị trường xuất khẩu, tập trung chủ yếu ở thị trường các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Ở thị trường nội địa, tập trung vào các công ty xi măng, công ty phân bón ở miền Trung. Định hướng trên xuất phát từ việc đây là những khu vực có các đối tác lâu năm của công ty, tiếp theo đó, vị trí địa lý là khá thuận tiện giúp tiết kiệm chi phí vận chuyển. Trong dài hạn, ở trong nước công ty có định hướng muốn mở rộng thị trường sang khu vực miền Bắc; ở khu vực nước ngoài tiếp tục duy trì thị trường hiện có.

## Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đẩy mạnh hoạt động sản xuất, mở rộng mạng lưới kinh doanh, xây dựng mạng lưới truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như một chiến lược cụ thể để mang sản phẩm đến gần với khách hàng hơn trên cả thị trường trong và ngoài nước, từ đó xây dựng thương hiệu uy tín cho cả doanh nghiệp lẫn sự tin dùng đối với sản phẩm của khách hàng. Tiếp tục hoàn thiện các dự án đầu tư, các công trình xây dựng đang triển khai nhằm nâng cấp hoạt động sản xuất, cải tạo trang thiết bị cùng với cập nhật công nghệ, trình độ mới nhằm nâng cao công suất hoạt động hiện tại. Đảm bảo hoạt động công ty luôn ổn định, đáp ứng được nguồn vốn đầu tư nguyên vật liệu đầu vào khi cần thiết, không làm trễ nải quá trình sản xuất.

## Về đầu tư

Đầu tư cho hệ thống dây chuyền công nghệ mới, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất cụ thể là nhà máy số 4, đầu tư cho hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng suất lao động cho công nhân.

## Về chiến lược tài chính

Đảm bảo hiệu quả tài chính trong ngắn hạn nhưng vẫn có sự bền vững, hài hòa trong dài hạn trên cơ sở cân bằng lợi ích giữa các bên.

## Về chiến lược phát triển thương hiệu và truyền thông

Xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu, phương thức truyền thông dưới nhiều hình thức trong đó chú trọng vai trò của truyền thông mạng, hướng tới cộng đồng, hướng tới bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.



## Về văn hóa công ty

Tập trung xây dựng văn hóa đoàn thể công ty, xây dựng nơi làm việc chuyên nghiệp, lý tưởng, tạo sự cân bằng cho nhân viên tạo môi trường thân thiện với các chính sách lương thưởng phúc lợi hấp dẫn. Điều này là rất cần thiết bởi sự thành công trong kinh doanh không chỉ đến từ các sản phẩm của Công ty mà còn đến từ sự đóng góp của những con người, đội ngũ cán bộ công nhân viên hay chính từ những người quản lý đã cống hiến hết sức.

## Về mô hình tổ chức và quản trị

Mô hình tổ chức và quản trị phù hợp với quy mô phát triển trong từng giai đoạn, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả công tác quản lý.

## Về phát triển bền vững

Công ty định hướng phát triển bền vững là phù hợp với trào lưu của thế giới. Ngoài việc bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội- cộng đồng, doanh nghiệp cũng cần phải cân bằng lợi ích với các bên liên quan như nhà nước, cổ đông, người lao động.

# SWOT

## Điểm mạnh

- Hệ thống khách hàng đã quan hệ gần bó nhiều năm (The Vissai, Công ty Xi măng Hoàng Mai, Công ty Xi măng Nghi Sơn, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, Công ty Xi măng sông Gianh,...)
- Lực lượng cán bộ dày dặn kinh nghiệm và đội ngũ công nhân lành nghề, tâm huyết, có năng lực và nhạy bén ( Công ty có 960 người lao động trực tiếp và 80% có trình độ tay nghề bậc 3 trở lên).
- Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại.

## Điểm yếu

- Thương hiệu của doanh nghiệp chưa được nhiều người biết đến.
- Việc thu hồi công nợ của doanh nghiệp ngày càng khó khăn.

## Cơ hội

- Từ Reuters ngày 6/12 dẫn tin từ Hiệp hội xi măng Thế giới cho hay nhu cầu xi măng toàn cầu được dự báo sẽ tăng 1.5% vào năm tới, trong bối cảnh những rủi ro kinh tế và căng thẳng thương mại đặt gánh nặng lên ngành xây dựng ở nhiều quốc gia. Sự cải thiện trong năm 2019 chủ yếu nhờ điều kiện tốt hơn ở Trung Quốc nơi tiêu thụ hơn 1/2 lượng xi măng của thế giới và nhu cầu xi măng của quốc gia này cũng được dự báo sẽ tăng sau 2 năm sụt giảm. Việt Nam với vị trí địa lý giáp với Trung Quốc năm 2019 sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp sản xuất xi măng cũng như cả các doanh nghiệp sản xuất bao bì xi măng.
- Năm 2018, nhà máy lọc dầu Nghi Sơn chính thức đi vào hoạt động với công suất thiết kế 370 nghìn tấn PP/năm giúp công suất thiết kế sản phẩm PP của Việt Nam tăng 246% và đáp ứng khoảng 50% nhu cầu PP trong nước.

## Thách thức

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất bao bì rất lớn. Ngành Nhựa hiện tại có hơn 3,300 doanh nghiệp trong đó số doanh nghiệp hoạt động trong mảng bao bì chiếm đến 41% trên tổng số doanh nghiệp tương đương khoảng hơn 1,300 doanh nghiệp.
- Sản phẩm thay thế và xu hướng giảm thiểu sử dụng bao bì nhựa để bảo vệ môi trường.
- Giá nguyên liệu đầu vào phụ thuộc giá dầu mỏ, khí thiên nhiên cũng như thuế xuất nhập khẩu trong từng thời kỳ.

### Chiến lược WO

Tăng cường việc đưa ra các hoạt động marketing nhằm gia tăng thị phần cả trong nước lẫn nước ngoài góp phần quảng bá thương hiệu của công ty.  
Lựa chọn các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào uy tín nhằm đảm bảo ổn định về mặt chất lượng thời gian cung cấp và giá cả hợp lý.

### Chiến lược WT

Đưa ra chính sách chiết khấu ưu đãi nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn về khả năng chi trả của khách hàng nhằm cạnh tranh được với một số lượng lớn các doanh nghiệp đang hoạt động trong cùng ngành.  
Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu nhằm đưa ra những sản phẩm bao bì mới thân thiện với môi trường.

### Chiến lược SO

Tận dụng mối quan hệ bạn hàng lâu năm với các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu xi măng sang thị trường Trung Quốc

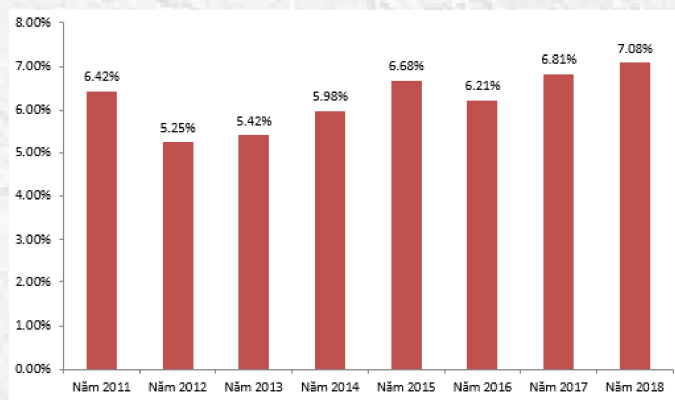
Tận dụng nguồn nhân lực có tay nghề cao cùng với hệ thống máy móc thiết bị mới được đầu tư nhằm gia tăng năng lực sản xuất.

### Chiến lược ST

Phân loại khách hàng sau đó đưa ra chính sách bán hàng hợp lý đối với từng khách hàng nhằm duy trì mối quan hệ thân thiết với các bạn hàng truyền thống.  
Sử dụng máy móc thiết bị mới để sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao và mẫu mã phong phú phù hợp hơn với thị hiếu của người tiêu dùng

## Rủi ro

**Rủi ro về kinh tế:** Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng của GDP Việt Nam năm 2018 tăng 7.08% so với năm 2017. Mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6.7% và được coi là mức tăng trưởng cao nhất trong 8 năm trở lại đây. Lạm phát giữ ở mức cơ bản 1.48% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng nhanh kéo theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao và khắt khe hơn đối với sản phẩm. Về lãi suất, để thực hiện sản xuất, ngoài vốn tự có và vốn huy động qua các hình thức phát hành chứng khoán, hầu hết các doanh nghiệp đều phải sử dụng đến nguồn vốn tín dụng của ngân hàng. Tuy nhiên việc vay vốn của ngân hàng không hoàn toàn dễ dàng cho các doanh nghiệp. Mặt khác, khi nền kinh tế xảy ra lạm phát cao, nhà nước buộc phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất cho vay thì các doanh nghiệp lại càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Do đó, nhân tố lãi suất cũng có tác động không nhỏ đến hoạt động của doanh nghiệp.



Tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2018

**Rủi ro về tài chính:** Tỷ giá nguyên liệu nhựa chủ yếu nhập khẩu và việc thanh toán chủ yếu bằng đồng USD khiến việc tỷ giá USD/VND biến động cũng tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các công ty nhựa trong nước. Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nếu tỷ giá tăng thì chi phí đầu vào của công ty cũng sẽ tăng theo, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Xu hướng tăng lãi suất, biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế và giá dầu tiếp tục diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Kinh tế Mỹ đang quá "nóng" do đó Mỹ sẽ tiếp tục tăng lãi suất khiến đồng USD tăng giá tạo áp lực không nhỏ lên điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá của nước ta.

**Rủi ro hoạt động** Theo thống kê của VPA, hiện nay trong nước có khoảng 2000 công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa, trong đó chủ yếu là các công ty nhỏ và vừa. Số lượng công ty lớn cùng việc phân tán khiến gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Số lượng công ty sản xuất nhựa đã có thương hiệu chiếm tỷ trọng lớn trong ngành với mạng lưới hệ thống phủ khắp cả nước là 1 trở ngại không nhỏ đối với các công ty muốn thâm nhập hơn nữa vào ngành.

**Rủi ro đặc thù ngành:** Nhựa nói chung là phải nhập khẩu đến 80 – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất. Trong khi đó, giá nhập khẩu các chủng loại nguyên liệu nhựa luôn có sự biến động theo xu hướng giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới, tạo sức ép lớn đến hoạt động sản xuất của chính công ty, làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm Nhựa Việt Nam trên thị trường nội địa cũng như trên thị trường xuất khẩu, do giá nguyên liệu thường chiếm đến 71% giá thành của sản phẩm. Giá nguyên liệu nhựa nguyên sinh giai đoạn 2016 – 2018 liên tục tăng theo đà hồi phục của giá dầu, PE tăng trung bình 5%, PP tăng 43% (báo cáo của FPTS).

**Rủi ro về môi trường:** Ô nhiễm môi trường, khí thải là điều không thể tránh khỏi của nền công nghiệp hóa dầu cũng như sản xuất nhựa. Trung bình để phân hủy một sản phẩm nhựa thường mất một khoảng thời gian khá dài ví dụ như một túi nhựa sẽ mất khoảng 400 năm để phân hủy do đặc tính bền dai của polymer. Các sản phẩm nhựa khi tiếp xúc với nhiệt hay hơi nước... sẽ tạo ra các chất cực kỳ độc hại cho hệ hô hấp của người và động vật. Các rủi ro xuất phát từ môi trường tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất cũng như vận hành của Công ty nhưng nó lại là yếu tố gián tiếp tác động đến sản lượng cũng như nguồn nguyên liệu đầu vào trên thị trường. Do đó, tính về lâu dài thì môi trường luôn là yếu tố được quan tâm hơn cả, đáp ứng các tiêu chí đặt ra về môi trường của cả xã hội cũng như yêu cầu đặt ra của Chính phủ sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho Công ty trong hoạt động về sau.

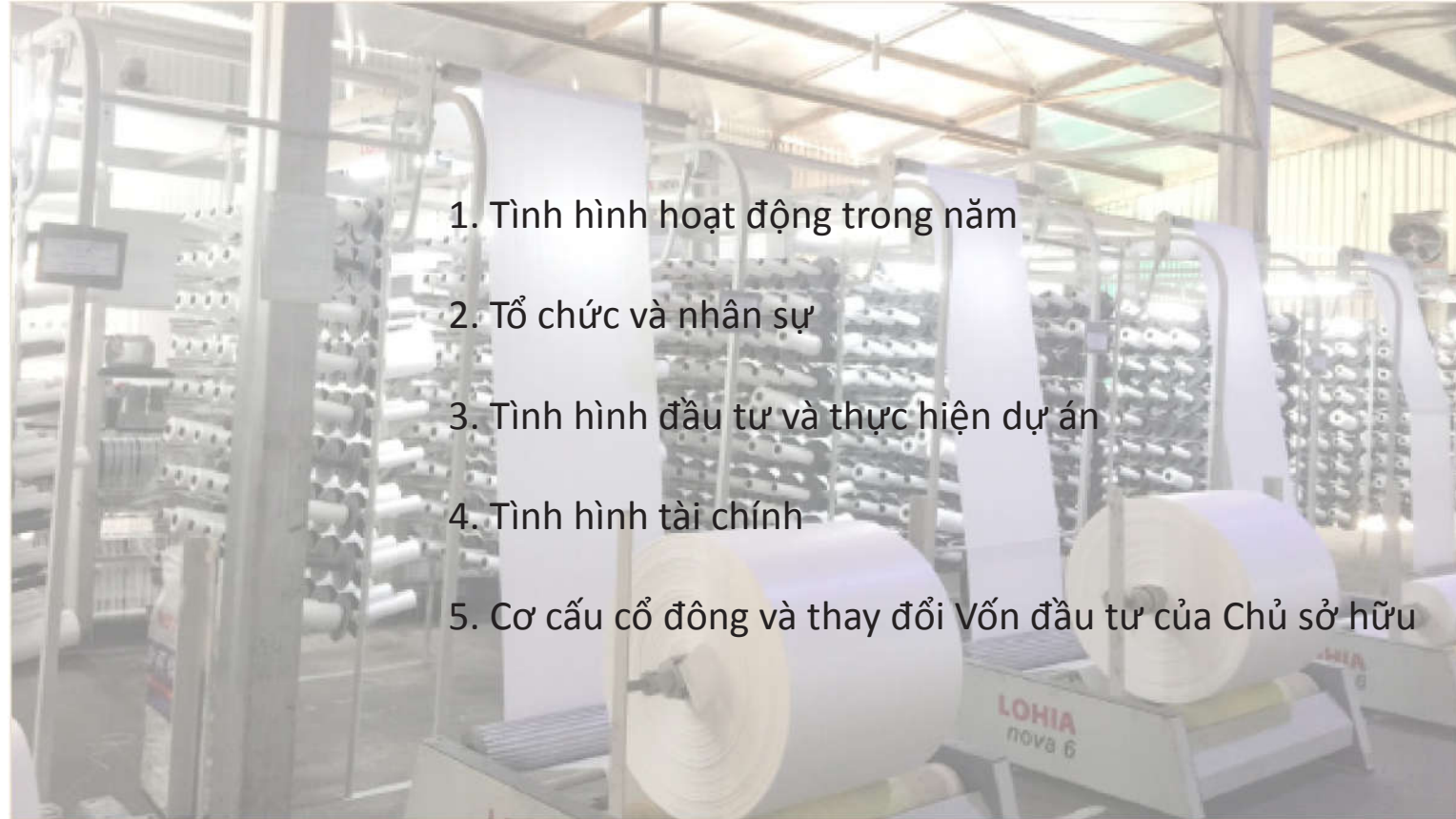
**Rủi ro khác:** Các yếu tố bất thường hay những rủi ro bất khả kháng không thể lường trước được như cháy nổ, hỏa hoạn... do các nguyên nhân chủ quan và khách quan cũng có thể xảy ra với doanh nghiệp.

**Rủi ro về pháp luật:** Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Nhựa nói riêng. Đặc biệt, đây còn là 1 trong 10 ngành công nghiệp được Chính phủ ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh. Mặc dù các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của các công ty nhựa đã xây dựng và ban hành, nhưng hiện nay ngành Nhựa vẫn còn thiếu quy định của Nhà nước về nhập khẩu phế liệu sản xuất để tái sinh nhằm hạ giá thành đầu vào cho ngành Nhựa, gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động nguyên liệu đầu vào và giảm chi phí.

**Rủi ro về giá cổ phiếu:** Công ty phát hành cổ phiếu nhằm huy động vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giá cổ phiếu trên thị trường phụ thuộc rất lớn vào tình hình tài chính của công ty cũng như triển vọng phát triển của ngành Nhựa. Bên cạnh đó không thể không kể đến tâm lý của các nhà đầu tư cũng như biến động của nền kinh tế vĩ mô không chỉ trong nước mà bao gồm cả những thay đổi của các nước lớn trên thế giới. Do vậy, doanh nghiệp chỉ có thể làm tốt công việc kinh doanh của mình còn về những yếu tố như tâm lý nhà đầu tư doanh nghiệp không thể kiểm soát được. Do đó doanh nghiệp luôn thực hiện tốt việc công bố thông tin với Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán để đảm bảo tâm lý các nhà đầu tư không bị xáo động quá mạnh.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. Tình hình hoạt động trong năm
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn đầu tư của Chủ sở hữu



# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Thông tin ngành



Trên thế giới cũng như là ở Việt Nam, Nhựa là ngành công nghiệp còn khá non trẻ so với những ngành công nghiệp khác như cơ khí, điện – điện tử, dệt may... nhưng đây lại là ngành có tốc độ tăng trưởng rất mạnh mẽ. Gần một thập kỷ (2010-2017) vừa qua, ngành nhựa đã có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân đạt từ 15 - 20%/năm. Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam cho biết, năm 2017, tổng doanh thu ngành nhựa đạt khoảng 15 tỷ USD (tương đương 340,000 tỷ đồng theo tỷ giá hiện hành), xuất khẩu đạt 2.5 tỷ USD (tăng 15%). Ước tính, 10 tháng đầu năm 2018, doanh thu ngành nhựa đạt khoảng 15 tỷ USD (tăng khoảng 16.7% so với cùng kỳ), xuất khẩu đạt khoảng 2.78 tỷ USD (tăng 29% so với cùng kỳ). Nếu đem so sánh doanh thu hiện nay với Mục tiêu quy hoạch phát triển ngành nhựa đến năm 2020, tầm nhìn 2025 (theo Quyết định 2992/QĐ-BTC của Bộ Công Thương ngày 17/6/2011) đề ra đạt giá trị sản xuất (giá so sánh 1994) năm 2020 là 181,000 tỷ đồng, thì kết quả đạt được đã cao gấp gần 2 lần mục tiêu.

Dư địa phát triển ngành nhựa được đánh giá là còn rất lớn, bởi dung lượng thị trường rộng, bao phủ hầu hết các ngõ ngách tiêu dùng của đời sống (nhựa gia dụng, bao bì...) cho đến phục vụ các ngành sản xuất khác như ô tô, xe máy, điện tử, điện gia dụng, y tế, văn phòng... (nhựa kỹ thuật cao). Trong khi đó, mức độ sử dụng nhựa bình quân đầu người ở Việt Nam mới đạt 41-45 kg/người/năm, so với thế giới

còn rất thấp, chẳng hạn Thái Lan hiện là 100 kg/người/năm, Nhật Bản 200 kg/người/năm, Mỹ từ 200-300 kg/người/năm... Ngoài thị trường nội địa, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam còn có thế tận dụng cơ hội ưu đãi thuế quan từ nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) để xuất khẩu. Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, nếu tốc độ phát triển và tăng trưởng cao hiện nay được duy trì trong giai đoạn tới, đến năm 2030, tổng doanh thu ngành nhựa sẽ đạt khoảng 25 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 7-8 tỷ USD. Sản phẩm nhựa của Việt Nam xuất khẩu sang hơn 35 thị trường trên thế giới; trong đó có những thị trường khó tính như Nhật Bản nhập khẩu nhiều nhất nhóm mặt hàng này của Việt Nam, chiếm 21.8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt 312.47 triệu USD, tăng 15.7% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường Mỹ chiếm 15.6%, đạt 223.73 triệu USD, tăng 22.8%; Hàn Lan chiếm 5.3%, đạt 75.88 triệu USD, tăng 17.5%; Hàn Quốc đạt 75.32 triệu USD, tăng 30.4%;... Nguồn nguyên liệu đầu vào còn phụ thuộc vào nhập khẩu từ nước ngoài do ngành Hóa dầu trong nước chưa phát triển tương xứng với khả năng sản xuất. Về sức cạnh tranh của ngành, theo các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, nếu trước đây doanh nghiệp nhựa thường là các công ty gia đình, công ty tư nhân có quy mô nhỏ lẻ thì nay cùng với xu thế hội nhập, các doanh nghiệp ngành này đang lớn dần và duy trì sự phát triển qua từng năm. Bên cạnh đó các Hiệp định thương mại tự do vừa là cơ hội, vừa là thách thức mà doanh nghiệp trong ngành phải đối mặt trong thời gian tới.

## Kết quả sản xuất kinh doanh thực tế so với kế hoạch

Kết thúc năm 2018, doanh thu thuần đạt 931,451,763,872 đồng vượt 24% so với kế hoạch đã đề ra. Trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế đạt 27,877,520,149 đồng vượt 8.8% so với kế hoạch đề ra.

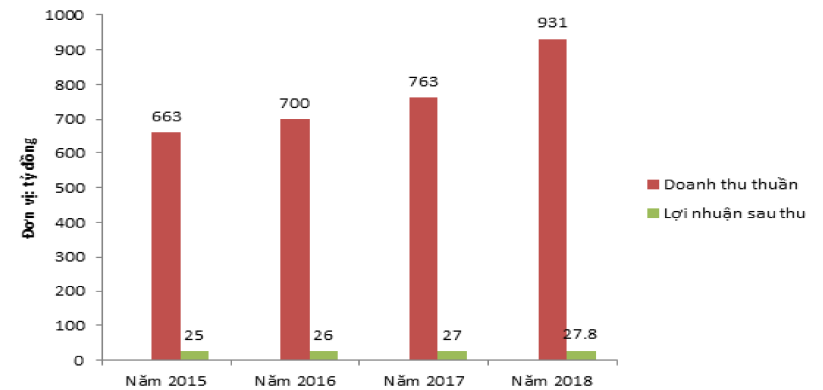
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	Đồng	931,451,763,872	750,800,000,000	24%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	35,040,815,333	32,026,437,056	9.4%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	27,877,520,149	25,621,149,645	8.8%

## Kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần	662,812,336,420	700,071,028,123	763,322,374,110	935,169,447,077
Lãi gộp	71,212,642,137	78,108,678,493	80,408,492,396	87,868,839,375
Lợi nhuận trước thuế	32,890,575,310	33,275,906,032	34,215,824,857	35,040,815,333
Lợi nhuận sau thuế	25,490,659,710	26,435,571,637	26,811,349,918	27,877,520,149

Năm 2018 Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ghi nhận sự tăng trưởng trong cả Doanh thu lẫn Lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp, hoàn thành xuất sắc kế hoạch đã đề ra. Doanh thu thuần đạt hơn 930 tỷ tăng 22 % so với năm 2017; Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 27 tỷ tăng 4% so với năm 2017. Dẫn đến sự thành công này không thể không kể đến bộ máy lãnh đạo Công ty với định hướng đúng đắn, bám sát mục tiêu đã định, phối hợp hiệu quả với đội ngũ cán bộ công nhân viên không ngừng nỗ lực, sáng tạo, cống hiến hết mình đóng góp sức lực vào sự phát triển của Công ty. Mặc dù thị trường ngành ngày càng cạnh tranh khốc liệt gây ảnh hưởng không nhỏ cho doanh nghiệp cũng như ngành Nhựa, bên cạnh đó nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động nhưng nhờ tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư các sản phẩm công nghệ, máy móc kết hợp với tay nghề nhân công cao cùng với các chiến lược đẩy mạnh hoạt động bán hàng đã đưa sản phẩm của công ty đến gần hơn với khách hàng, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

## Biểu đồ biểu diễn kết quả kinh doanh giai đoạn 2015-2018:



# Tổ chức nhân sự

**Ban điều hành:** đã giới thiệu ở trên

## Những thay đổi của Ban điều hành trong năm 2018

### Ông Phan Văn Toàn

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Trưởng phòng tài chính  
Chức vụ được bổ nhiệm: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh  
Thời hạn bổ nhiệm (5 năm) nhiệm kỳ 2018 - 2022  
Ngày bắt đầu có hiệu lực: 10/4/2018

### Ông Tạ Quang Minh

Không còn đảm nhiệm chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh  
Lý do miễn nhiệm: theo điều 9, nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ ngày 10/04/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh  
Ngày bắt đầu có hiệu lực: ngày 10/4/2018

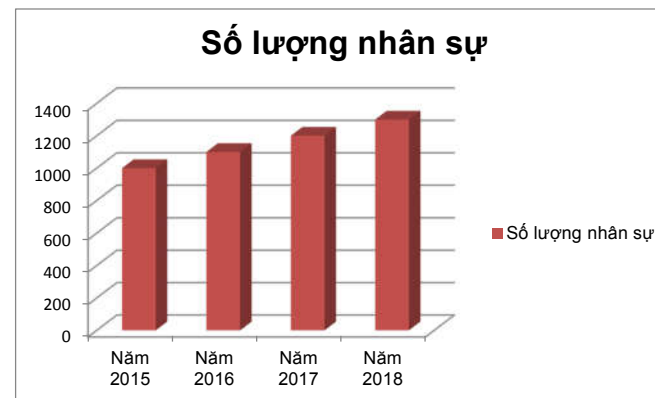
### Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Trợ lý kế toán tổng hợp Tổng công ty hợp tác kinh tế  
Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần nhựa bao bì Vinh  
Thời hạn bổ nhiệm (5 năm) nhiệm kỳ 2018 - 2022

### Ông Cao Xuân Vinh

Không còn đảm nhiệm chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh  
Lý do miễn nhiệm: theo điều 9, nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ ngày 10/4/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh

## Nhân sự và chính sách nhân sự



### Lương thưởng

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

### Trợ cấp

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

### Tuyển dụng

Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt may... Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

### Đào tạo

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.



# Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Năm 2018, Công ty có đầu tư mở rộng nhà máy số 4. Tiến độ dự án: Năm 2018 hoàn thiện thủ tục thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, san nền và xây bờ rào.

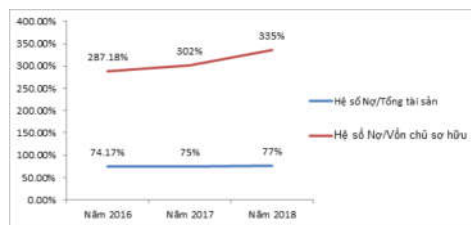
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	Đồng	419,909,414,009	486,357,831,405	16%
Doanh thu thuần	Đồng	763,322,374,110	931,451,763,872	22.03%
Lợi nhuận từ hoạt	Đồng	34,154,753,470	35,472,744,709	4%
Lợi nhuận khác	Đồng	61,071,387	(431,929,376)	-807%
Lợi nhuận trước	Đồng	34,215,824,857	35,040,815,333	2.41%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	26,811,349,918	27,877,520,149	4%

Trong năm 2018 Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh đều có các chỉ tiêu tài chính cao hơn so với trung bình ngành.

## Một số chỉ tiêu tài chính

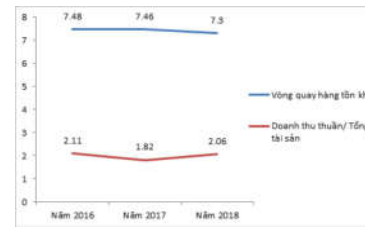
Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (%)
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1.11	1.09	-2.00
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.79	0.68	-13.80
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	75%	77%	2.71%
- Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	%	302%	335%	11.07%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7.46	7.3	-2.12
- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Vòng	1.82	2.06	12.9
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	3.51%	3%	-14.73%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	%	25.67%	25.80%	0.50%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	6.40%	6.15%	-3.70%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	4.47%	4%	-14.80%

## Hệ số cơ cấu vốn



Cơ cấu vốn của doanh nghiệp đang có xu hướng tăng tỷ trọng các khoản nợ để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng trong năm 2018 do Nợ ngắn hạn tăng 16% trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng nhưng với tốc độ chậm hơn lần lượt là 13% và 6.7%. Nợ ngắn hạn do nhu cầu đầu tư mở rộng nhà máy số 4. Hệ số nợ/ Tổng tài sản năm 2018 là 335% tăng 11.07% so với năm 2017. Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu năm 2018 là 77% tăng 2.71% 2018.

## Hệ số năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá vốn hàng bán chia cho hàng tồn kho bình quân. Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 là 7.3 vòng 2.13% so với năm 2017. Nguyên nhân là do hàng tồn kho năm 2018 tăng mạnh với mức tăng 26.2% so với năm 2017 trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2018 giảm mạnh với mức giảm 19%.

Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2018 là 2.06 vòng tăng 12.9% so với năm 2017. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của doanh thu thuần lớn hơn tốc độ tăng của tổng tài sản với mức tăng lần lượt là 22% và 13%.

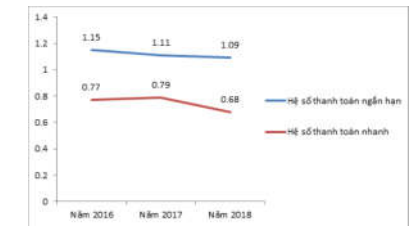
## Hệ số khả năng sinh lời



Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2018 là 25.8% tăng 0.5% so với năm 2017. Nghĩa là trong năm 2018 cứ một đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra mang lại 0.25 đồng lợi nhuận sau thuế. Nguyên nhân là do cả lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu bình quân năm 2018 đều tăng so với năm 2017 với tốc độ tăng lần lượt là 4% và 6.7%. Hệ số này tăng lên phản ánh năng lực của doanh nghiệp để sinh lợi đang ngày càng tốt hơn.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân năm 2018 là 6.15% giảm 3.7%. Có nghĩa là trong năm 2018 cứ một đồng tài sản đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại 0.06 đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này giảm nguyên nhân là do tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế là 4% không đuổi kịp tốc độ tăng của tổng tài sản là 13%.

## Hệ số khả năng thanh toán



Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2018 là 0.68 lần giảm 13.8% so với năm 2017. Hệ số khả năng thanh toán nhanh được tính bằng Tài sản ngắn hạn sau khi đã trừ đi Hàng tồn kho chia cho Nợ ngắn hạn. Hệ số này giảm nguyên nhân là do trong năm 2018, Nợ ngắn hạn bình quân là 317,577,054,574 đồng tăng 16,3% so với năm 2017, Hàng tồn kho bình quân năm 2018 là 115,533,575,295 đồng tăng 26.2% trong khi đó Tài sản ngắn hạn năm 2018 là 352,417,376,760 đồng tăng chậm hơn với mức tăng 14.5%. Hàng tồn kho của doanh nghiệp tăng mạnh là do doanh nghiệp tích trữ nguyên vật liệu phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

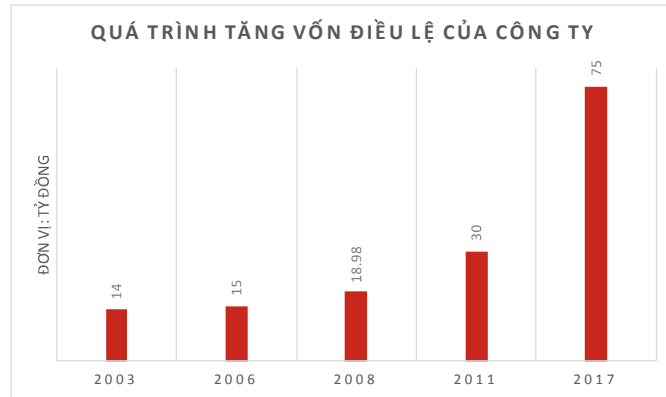
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2018 là 1,09 lần giảm 2% so với năm 2017. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn được xác định bằng cách lấy Tài sản ngắn hạn chia cho nợ ngắn hạn. Hệ số này giảm là do trong năm 2018 nợ ngắn hạn tăng 16.3% trong khi tài sản ngắn hạn chỉ tăng 14.5%.

Nợ phải trả tăng do doanh nghiệp chủ yếu vay và nợ thuê tài chính và nợ các nhà cung cấp nguyên vật liệu. Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp gia tăng là do trong năm hàng tồn kho có sự tăng mạnh và doanh nghiệp cho khách hàng nợ nhiều hơn. Tuy nhiên, hệ số này vẫn lớn hơn 1 cho thấy doanh nghiệp vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

# Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

- 2003** Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2003 với số vốn điều lệ là 14,000,000,000 đồng.
- 2006** Công ty phát hành cho cổ đông hiện hữu 100,000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 14,000,000,000 đồng lên 15,000,000,000 đồng.
- 2008** Công ty phát hành cho cổ đông hiện hữu 398,364 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15,000,000,000 đồng lên 18,983,640,000 đồng.
- 2011** Công ty niêm yết bổ sung 1,101,625 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 29,999,890,000 đồng.
- 2017** Công ty niêm yết bổ sung 4,499,983 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 74,999,720,000 đồng.



### Cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ của công ty: 12 cổ phiếu.  
 Giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty: không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018.

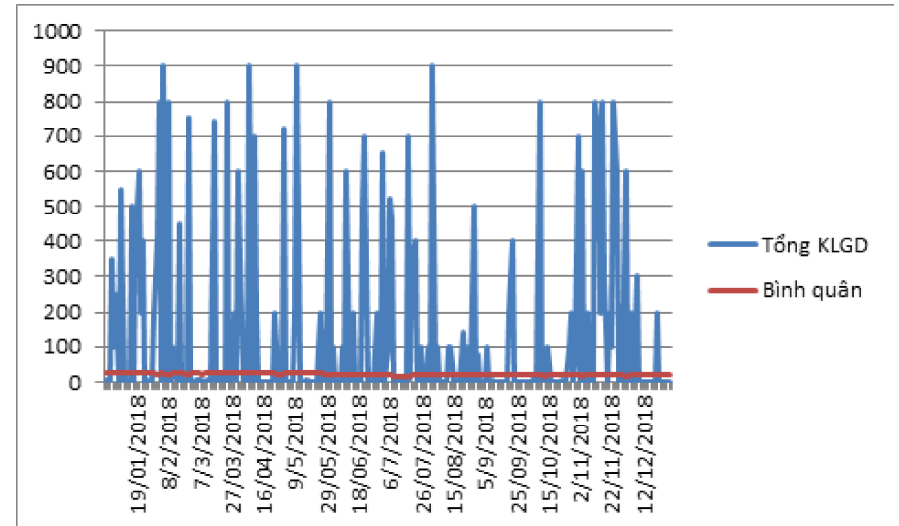
## Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Số 187 Lê Duẩn, Thành Phố Vinh, Nghệ An	3,821,932	50.96%
2	Công ty cổ phần An Phát Holdings	Lô 11+12, KCN An Đông, Nam Sách, Hải Dương	1,840,219	24.54%

### Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh đã phát hành 7,499,972 cổ phiếu.  
 Trong đó:  
 - Số cổ phiếu phổ thông: 7,499,972 cổ phiếu  
 - Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu  
 - Số cổ phần đang lưu hành: 7,499,960 cổ phiếu  
 - Số cổ phiếu quỹ: 12 cổ phiếu

## Tình hình giao dịch cổ phiếu tính đến hết 12/2018



# BÁO CÁO của BAN GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
4. Phương hướng phát triển

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### Thông tin ngành

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Năm 2018 nền kinh tế cả nước đã có dấu hiệu khởi sắc, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản và cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại. Ngoài ra, xi măng có nhiều cơ hội gia tăng sản lượng do sản lượng xi măng tiêu thụ tăng kỷ lục (xuất khẩu sản phẩm xi măng năm 2018 đạt kỷ lục 31.65 triệu tấn, tăng tới 55% so với năm 2017; kim ngạch xuất khẩu cũng lần đầu vượt qua con số 1 tỷ USD). Các doanh nghiệp trong nước đã có những cách tiếp cận thị trường quốc tế tốt và Trung Quốc đang dừng sản xuất nhiều nhà máy xi măng. Không chỉ tiêu thụ trong nước tăng mạnh, xuất khẩu xi măng của Việt Nam cũng đạt kết quả khả quan khi tăng trưởng mạnh trong những tháng đầu năm, một phần nhờ thuế

xuất khẩu giảm về 0%. Bên cạnh đó doanh nghiệp cũng gặp phải một số khó khăn như là: Một số nhà máy xi măng xây dựng nhà máy bao bì tự bao tiêu sản phẩm; thị trường chuyển dần sang sử dụng xi măng rời; nhiều nhà máy xi măng chuyển dần sang dùng bao dán dày 1 lớp để giảm chi phí, đã làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của đơn vị. Nhiều công trình hạn chế bê tông hóa, sử dụng kính xây dựng LowE, hệ thống vách ngăn, tường ngăn bằng thạch cao, gạch vữa từ vật liệu xây không nung. Ngay cả khu vực dân sinh, nhiều thiết kế mới, gần gũi thiên nhiên, sử dụng vật liệu xanh đã dần thay thế những ngôi nhà chủ yếu dùng xi măng. Những xu hướng này đang đặt ra thách thức mới đối với sự phát triển của ngành xi măng do đó tác động rất lớn đến các doanh nghiệp sản xuất bao bì xi măng. Thị trường bao Jambo, Sling đang từng bước tiếp cận thị trường, lượng lao động phục vụ may bao Jambo, Sling nhiều nên công ty phải tuyển dụng và đào tạo thêm lao động, đẩy nhanh năng suất nhằm hạ giá thành, cạnh tranh được với thị trường trong và ngoài nước. Tình hình nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục. Giá hạt nhựa, giá giấy... là những nguyên liệu chính cho sản xuất biến động tăng liên tục các tháng trong năm. Chất lượng sản phẩm được duy trì, khẳng định được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh đã đạt và vượt kế hoạch đặt ra.

Năm 2018 đánh dấu sự thành công của nền kinh tế với mức GDP cao nhất trong vòng 8 năm trở lại đây. Cùng với sự phát triển này, trong năm 2018 công ty cổ phần nhựa, bao bì Vinh ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh rất tốt. Doanh thu thuần đạt hơn 935 tỷ tăng 22.03% lần so với 2017 và là mức cao nhất từ năm 2015 trở lại đây. Trong khi đó lợi nhuận trước thuế năm 2018 là hơn 35 tỷ đồng, tăng 2.41% so với năm 2017. Nhờ kết quả kinh doanh khả quan mà trong năm 2018, công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra tại đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	Thực hiện		Tăng trưởng	
			2018	2017	So với KH	So với 2017
Doanh thu thuần	Đồng	750,800,000,000	931,451,763,872	763,322,374,110	24%	22%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	25,621,149,645	27,877,520,149	26,811,349,918	8.80%	4.00%

Trong năm 2018, các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt so với kế hoạch năm đặt ra. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2018 lần lượt đạt 935 tỷ đồng và 28 tỷ đồng tương ứng tăng 24% và 8.8% kế hoạch đã đặt ra so với năm trước.

### Tiến bộ đạt được

Trong năm vừa qua công ty đã đầu tư xây dựng thêm nhà máy sản xuất số 4 và đầu tư mới máy móc thiết bị nhằm gia tăng năng lực sản xuất, thay đổi mẫu mã phù hợp với nhu cầu của thị trường. Công tác Marketing luôn được doanh nghiệp đẩy mạnh nhằm thỏa mãn nhu cầu cho các đối tác hiện có và tìm kiếm các khách hàng mới.



## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### Nguyên nhân chủ quan

Năm 2018 doanh nghiệp đã đầu tư thay thế một loạt xe tải, máy móc thiết bị cũ nhằm tăng khả năng sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua hình thức đấu giá.

Đạt được thành công này không thể không kể đến sự nỗ lực của Ban lãnh đạo doanh nghiệp trong điều hành lẫn đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm đã không ngừng phấn đấu trong việc cải tiến bộ máy sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ, giúp hạn chế chi phí nhân công, tối thiểu hóa thời gian sản xuất mà cũng tối đa được sản lượng sản xuất nhất có thể.

Công ty ngày càng chú trọng hơn đến chất lượng nguồn lao động khi ngày càng đào tạo cho người lao động nâng cao tay nghề để nâng cao năng suất lao động.

Các cấp quản lý, lãnh đạo trong công ty đã có kinh nghiệm quản lý lâu năm đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn và nắm bắt cơ hội nhằm gia tăng lợi nhuận cho công ty.

Chiến lược mở rộng thị phần tìm kiếm các khách hàng mới trong năm đã phát huy tác dụng giúp doanh nghiệp gia tăng được doanh thu.

### Nguyên nhân khách quan

Trước nhu cầu gia tăng từ thị trường Trung Quốc sau các chính sách cải thiện chất lượng môi trường, hoạt động sản xuất xi măng của các doanh nghiệp xi măng tại Việt Nam được cải thiện rõ rệt.

Nguyên nhân chính cho sự tăng trưởng mạnh trên xuất phát từ việc Trung Quốc đang trong năm thứ năm của “cuộc chiến chống ô nhiễm”. Trung Quốc từ lâu luôn cố gắng cân bằng giữa bảo vệ môi trường và duy trì tăng trưởng kinh tế, tìm cách cải cách những ngành công nghiệp tiêu tốn nguyên liệu và gây ra ô nhiễm cao. Điều này đã dẫn đến sự đóng cửa hàng loạt của các nhà máy xi măng của nước này giai đoạn cuối năm 2017 và đầu năm 2018. Trung Quốc với vị trí địa lý gần với Việt Nam, tăng trưởng thị trường xuất khẩu xi măng và clinker chiếm 29% tổng sản lượng xuất khẩu đạt 7,62 triệu tấn đạt 276,8 triệu USD nhưng so với cùng kỳ năm 2017 tốc độ xuất khẩu xi măng sang thị trường Trung Quốc tăng đột biến gấp 47,3 lần về lượng và gấp 56,7 lần về giá trị. Điều này đã làm tác động tích cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất xi măng: BTS, HOM... đây đều là những khách hàng đã gắn bó lâu năm với công ty cổ phần nhựa, bao bì Vinh.



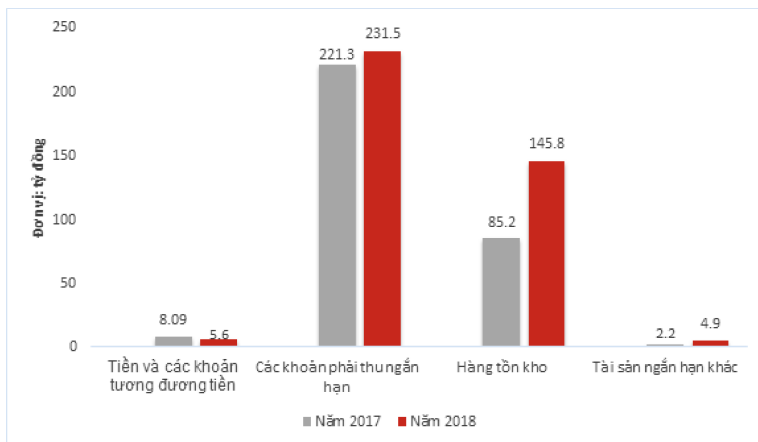
# Tình hình tài chính

## Tình hình tài sản

Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		2018/2017 (%)
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	
A. Tài sản ngắn hạn	316,785,092,510	75.44	388,049,661,009	79.8	22.5
B. Tài sản dài hạn	103,124,321,499	24.56	98,308,170,396	20.2	-4.7
Tổng cộng tài sản	419,909,414,009	100	486,357,831,405	100	15.8

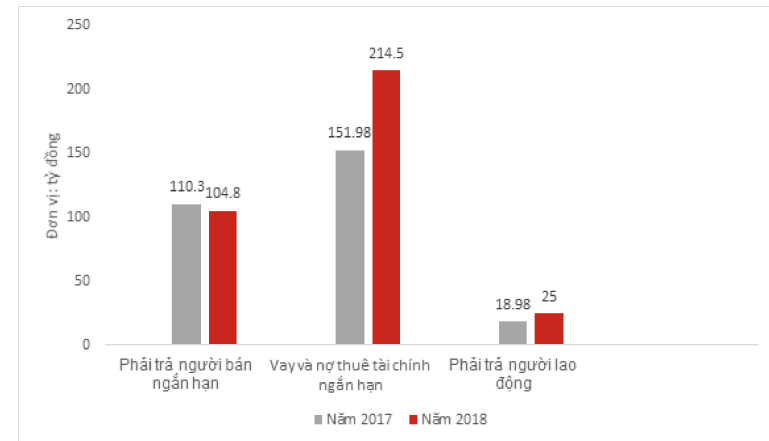
Tổng tài sản năm 2018 là 486,357,831,405 đồng tăng 66,448,417,396 đồng tăng 15.8% so với năm 2017. Tài sản ngắn hạn năm 2018 là 388,049,661,009 đồng tăng 22.5% so với năm 2017. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (chiếm tới 79.8%) tăng 22.5% so với năm 2017. Trong tài sản ngắn hạn thì hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất lần lượt là: 37.6% và 59.7%. Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu, thành phẩm sản xuất, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong đó nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao nhất khoảng 40%. Hàng tồn kho tăng chủ yếu là do nguyên vật liệu tăng. Nguyên nhân là do trong năm 2018 doanh nghiệp có tích trữ sẵn nguyên vật liệu do doanh nghiệp đứng trước những cơ hội thuận lợi lớn khi đầu tư máy móc thiết bị mới nên gia tăng được năng lực sản xuất bên cạnh đó thị trường xi măng có nhiều thuận lợi để gia tăng sản lượng nên việc tích trữ nguyên vật liệu để sản xuất bao bì xi măng là hoàn toàn hợp lý.

Các khoản phải thu ngắn hạn với tỷ trọng cao nhất gần 60% trong tổng tài sản ngắn hạn. Điều này thông thường sẽ không tốt vì nguồn vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng. Tuy nhiên để duy trì mối quan hệ truyền thống với những bạn hàng thì điều này lại là cần thiết. Do đó doanh nghiệp nên quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, áp dụng chính sách chiết khấu phù hợp đối với từng khách hàng để duy trì quan hệ bạn hàng với các khách hàng hiện có và cũng là để thu hút tìm kiếm các khách hàng, đối tác tiềm năng.



## Tình hình nợ phải trả

Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		2018/2017 (%)
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	
a. Nợ ngắn hạn	285,450,675,963	90.5	355,703,433,185	95	24.6
b. Nợ dài hạn	30,009,377,409	9.5	18,959,461,434	5	-36.8
Nợ phải trả	315,460,053,372	100	374,662,894,619	100	18.8



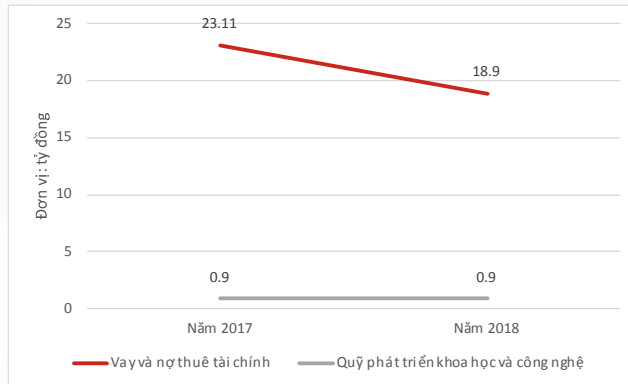
Năm 2018, nợ phải trả là 374,662,894,619 đồng tăng 18.8% so với năm 2017. Trong nợ phải trả thì nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất với 95% trong năm 2018 và 90.5% trong năm 2017 tăng 24.6%. Trong Nợ ngắn hạn thì có ba khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, Phải trả người lao động chiếm tỷ trọng cao nhất lần lượt là: 29%, 7.06%, 60.3%. Phải trả người bán ngắn hạn năm 2018 giảm so với năm 2017 cho thấy nguồn vốn doanh nghiệp đi chiếm dụng được của nhà cung cấp bị giảm đi. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn năm 2018 tăng so với năm 2017 nghĩa là doanh nghiệp đang sử dụng các nguồn tín dụng có thời hạn ngắn nên doanh nghiệp

có thể tiết kiệm được chi phí sử dụng vốn tuy nhiên cần chú ý theo dõi khoản mục này để đảm bảo thanh toán đúng hạn với người cho vay, đảm bảo uy tín cũng như an toàn tài chính cho doanh nghiệp. Phải trả người lao động trong năm 2018 cao hơn so với năm 2017. Năm 2018 doanh nghiệp nợ tiền lương của người lao động nhiều hơn. Người lao động cần tiền công để tái tạo sức lao động cũng như trang trải những chi phí sinh hoạt hằng ngày. Nên để khuyến khích khả năng lao động cũng như sự cống hiến của người công nhân thì công ty đang cố gắng nỗ lực không ngừng để khoản mục này càng nhỏ càng tốt. Doanh nghiệp có xu hướng tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu từ nguồn ngắn hạn.



## Tình hình tài chính

### Nợ phải trả dài hạn



Trong tài sản dài hạn, vay và nợ thuê tài chính dài hạn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Năm 2018, vay và nợ thuê tài chính chiếm 95.3%, Quỹ phát triển khoa học công nghệ chiếm 4.7%. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn năm 2018 cao hơn năm 2017 điều này giúp doanh nghiệp giảm rủi ro tín dụng, tuy nhiên chi phí sử dụng vốn sẽ tăng. Quỹ phát triển khoa học công nghệ không có sự thay đổi.

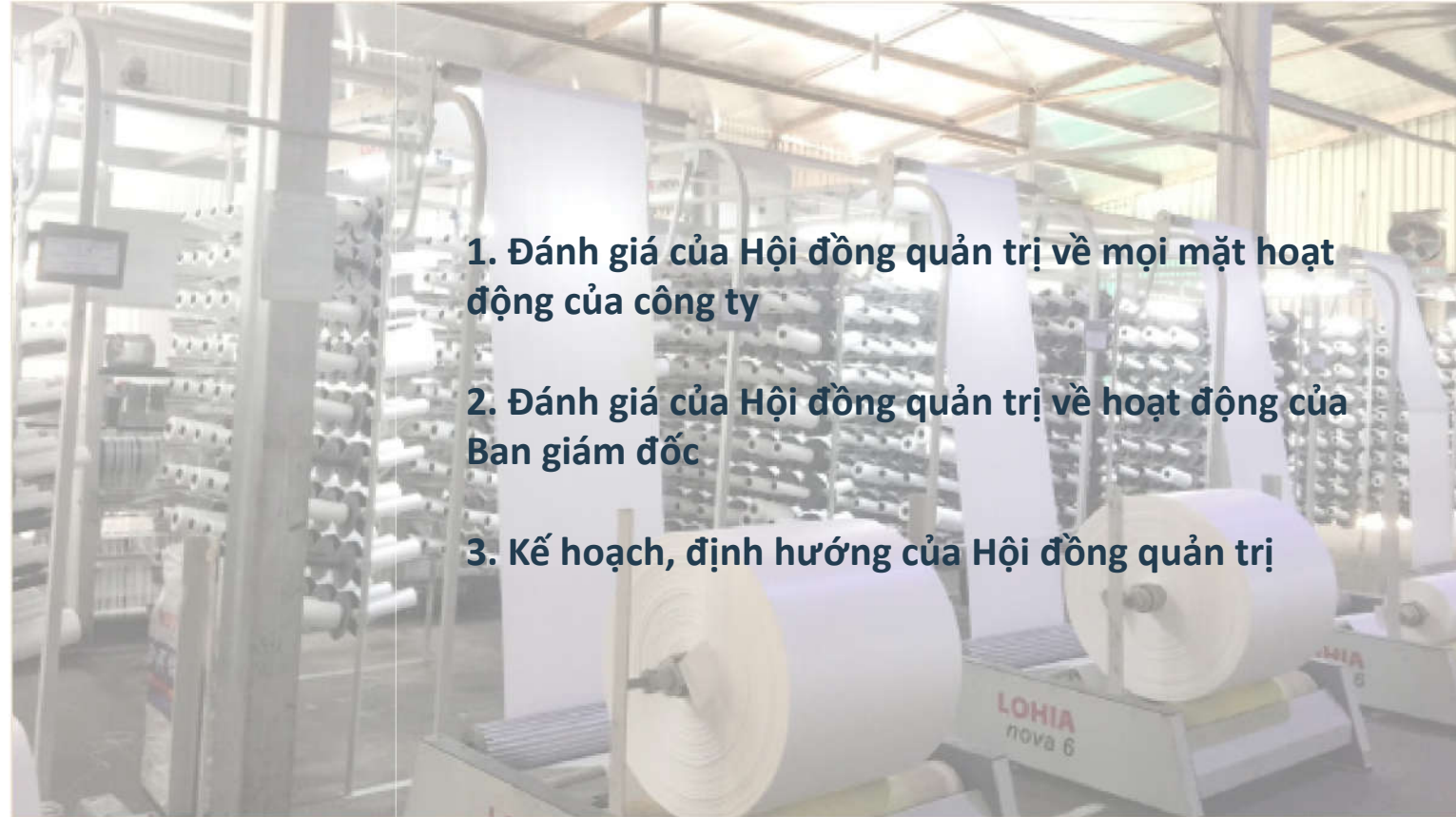
### Phương hướng phát triển

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 có khởi sắc giúp uy tín và thương hiệu của công ty trên địa bàn trong nước và thế giới. Ngoài ra, với vị thế một đơn vị đã hoạt động lâu năm trong ngành bao bì nên góp phần tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh được với các đơn vị trên địa bàn. Tuy nhiên nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục; thị trường bao xi măng bị thu hẹp do các nhà máy tự bao tiêu sản phẩm; Bộ máy điều hành có sự thay đổi... Năm 2018 là năm có nhiều thay đổi về cơ cấu và bộ máy điều hành. HĐQT, BGĐ và các phòng ban có nhiều thay đổi. Chủ tịch HĐQT, trưởng ban kiểm soát chuyên trách không kiêm nhiệm như trước đây; Giám đốc và kế toán trưởng thay đổi do Giám đốc cũ về hưu theo chế độ và kế toán trưởng điều chuyển theo thông tư của Bộ quốc phòng; Phòng tổng hợp được tách thành Phòng kế hoạch, Phòng thị trường, Phòng Công nghệ - Kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và mô hình mở rộng của công ty.

### Kế hoạch hoạt động trong năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	880
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	33.98
Cổ tức	%	20
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS)	%	3.9

# BÁO CÁO của HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## Đánh giá chung tình hình hoạt động trong 2018

### Đánh giá tình hình vĩ mô ngành

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Năm 2018 cũng là năm đánh dấu bước tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế trong nước khi GDP tăng 7.08% so với năm 2017 đây là mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2018 trở lại đây.

Lạm phát giữ ở mức cơ bản 1,48% so với năm 2017. Hiện nay ngành bao bì nhựa là phân khúc lớn nhất chiếm 26% tổng sản lượng nhựa. Năm 2015, Trung Quốc dẫn đầu thế giới về sản lượng sản xuất ngành nhựa với trên 75.6 triệu tấn, theo sau là Mỹ với hơn 50.2 triệu tấn; các quốc gia còn lại chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ so với sản lượng toàn cầu. Hiện ngành nhựa Việt Nam cũng đang phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài chiếm đến hơn 80% nhu cầu nguyên liệu nhựa các loại do trong nước chưa có khả năng sản xuất và tình trạng phụ thuộc này sẽ còn kéo dài gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành. Doanh thu tiêu thụ ngành nhựa tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2013 – 2016 với CAGR đạt 21.1%, tiêu thụ nhựa trong năm 2017 ước đạt xx.xx tỷ USD, tăng 5.97% so với cùng kỳ năm 2016. Hiện nay ngành nhựa Việt Nam đang trong tình trạng nhập siêu khi kim ngạch nhập khẩu sản phẩm nhựa lớn hơn nhiều so với xuất khẩu. Một yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhựa bao bì là việc thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm nhựa bao bì của Việt Nam tại EU đã được dỡ bỏ trong khi các nước châu Á khác như Trung Quốc vẫn phải chịu mức thuế này với thuế suất từ 8 – 30%, giúp các sản phẩm nhựa bao bì Việt Nam rẻ hơn, cạnh tranh hơn trên thị trường EU, do vậy tiềm năng xuất khẩu ngành bao bì nhựa của Việt Nam trong tương lai là rất lớn.

(nguồn: báo cáo chuyên sâu ngành nhựa quý 2/2018)

Công tác thị trường và chất lượng sản phẩm được Công ty đặc biệt quan tâm, hiện nay công ty tập trung phát triển mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các dòng sản phẩm bao PP, OPP, jambo, sling. Công tác kỹ thuật, công nghệ, kiểm soát chất lượng, quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật được duy trì chặt chẽ và hiệu quả do đó chất lượng sản phẩm về cơ bản đảm ứng được yêu cầu của người dùng; ưu tiên cải tiến công nghệ, tăng năng suất lao động giảm giá thành sản xuất để sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Thị phần của công ty ngày càng được mở rộng và phát triển trên thị trường. Ngoài ra luôn đảm bảo việc làm cho người lao động, bố trí sắp xếp lao động hợp lý, không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, thưởng, ăn ca, chế độ bồi dưỡng độc hại, BHXH, BHYT, chế độ hợp đồng...đối với người lao động theo pháp luật quy định và quy chế của công ty. Các hoạt động về công tác Đảng, Đoàn, thanh niên, phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả từ đó tạo ra nét văn hóa riêng của công ty.

### Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2018 đánh dấu sự thành công của nền kinh tế với mức GDP cao nhất trong vòng 8 năm trở lại đây. Cùng với sự phát triển này, trong năm 2018 công ty cổ phần nhựa, bao bì Vinh ghi nhận kết quả rất tốt. Doanh thu thuần đạt hơn 935 tỷ tăng 22.03% lần so với 2017 và là mức cao nhất từ năm 2015 trở lại đây. Trong khi đó lợi nhuận trước thuế năm 2018 là hơn 35 tỷ đồng, tăng 2.41% so với năm 2017. Nhờ kết quả kinh doanh khả quan mà trong năm 2018, công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra tại đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	Thực hiện		Tăng trưởng (%)	
			2018	2017	So với KH	So với 2017
Doanh thu thuần	Đồng	750,800,000,000	931,451,763,872	763,322,374,110	24%	22%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	25,621,149,645	27,877,520,149	26,811,349,918	8.80%	4.00%

## Đánh giá các mặt hoạt động khác của Công ty

### Hoạt động liên quan đến môi trường xã hội

Trong những năm vừa qua, cùng với sự phát triển của xã hội, ngành công nghiệp Nhựa ngày càng gia tăng nhanh chóng không chỉ về sản lượng sản xuất mà còn nâng cao cả về chất lượng. Đây là ngành công nghiệp tiêu biểu cho hoạt động sản xuất trong nước, thu hút một lượng lớn lao động. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành nhựa cũng kéo theo các hệ lụy về ô nhiễm môi trường. Việc thực hiện trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường và hướng tới cộng đồng là nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh luôn không ngừng tuân thủ các yêu cầu khắt khe, các quy định xử lý cả trong và sau sản xuất đáp ứng sản phẩm đầu ra chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

### Hoạt động đầu tư

Trong năm 2018, công ty có đầu tư máy móc thiết bị mới gia tăng năng lực sản xuất. Trong bối cảnh các doanh nghiệp sản xuất bao bì đang cạnh tranh nhau rất gay gắt việc đầu tư mới máy móc nhằm gia tăng chất lượng, thay đổi mẫu mã, tiết kiệm chi phí nhân công,...nên việc này là hoàn toàn hợp lý.

### Nhân sự

Các chương trình đào tạo, nâng cao tay nghề người lao động, từ đó đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn được công ty chú trọng.



### Nguyên vật liệu

Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, vật liệu sản xuất được đưa vào tái chế vừa tiết kiệm vừa có lợi cho môi trường xã hội.

### Nước

Nước dùng trong sản xuất là nước sạch. Nước thải sinh hoạt được Công ty sử dụng trạm xử thải tiên tiến, quy trình xử lý nước thải luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường.

### Chính sách đối với người lao động

- Công ty đảm bảo chế độ lương, thưởng hợp lý đối với từng cán bộ công nhân viên tùy theo loại hình công việc và đối tượng lao động, có phụ cấp hay đặc biệt là thường lễ, tết cho công nhân viên.

- Khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động.

- Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đều được đóng đầy đủ các loại Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.

- Duy trì chế độ ăn theo ca, bảo đảm định lượng tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thực hiện đào tạo và tái đào tạo cho nhân viên đảm bảo được chuyên môn và quy trình tác nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, tuân thủ các quy định về Công tác an toàn, bảo hộ lao động và phòng cháy chữa cháy.

- Chăm lo tinh thần đời sống người lao động qua các hoạt động đoàn thể, văn hóa, thể thao...

### Điện

Công ty luôn chú trọng vấn đề tiêu thụ điện, tiết kiệm năng lượng và không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm điện năng khả thi, đồng thời nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo trong việc sử dụng tiết kiệm điện.

## Đánh giá các mặt hoạt động khác của Công ty

### Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

#### *Những mặt làm được*

Hội đồng quản trị ghi nhận những đóng góp và đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh khi áp lực cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt làm áp lực đặt Ban điều hành là rất lớn, đòi hỏi Ban Giám đốc cần cố gắng hết mình để đạt được sự kỳ vọng của Ban quản trị cũng như là các cổ đông và đội ngũ cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng hết sức tin tưởng vào đội ngũ quản lý cũng như cán bộ công nhân viên ngày một đưa Công ty đi lên. Cụ thể, trong năm 2018, Ban Giám đốc đã:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra theo đúng định hướng đưa ra ban đầu một cách nhanh chóng và có hiệu quả.

- Trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo đúng Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Báo cáo trung thực hoạt động của Ban điều hành và của toàn Công ty cho Hội đồng quản trị.
- Công bố thông tin công khai, minh bạch, chính xác và kịp thời cho các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
- Luôn chủ động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban giám đốc có trình độ, năng lực phẩm chất, cũng như kinh nghiệm làm việc lâu năm.
- Ban giám đốc nhận được sự tin tưởng của cán bộ nhân viên, đối tác, khách hàng.

#### *Những mặt chưa làm được*

- Việc giám sát chỉ đạo công tác đầu tư có lúc còn chưa quyết liệt làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đầu tư.
- Ra nghị quyết về thực hiện một số chế độ chính sách cho người lao động có lúc còn cứng nhắc, chậm triển khai vì vậy lao động chưa có sức thu hút cao và ổn định.
- Một số khách hàng công nợ còn cao.

# Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

## Định hướng trung và dài hạn

- Duy trì thường xuyên liên tục chế độ hợp theo định kỳ.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy quản lý công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm đã đưa ra.
- Tiếp tục mở rộng đầu tư khi có cơ hội. Mở rộng cơ cấu sản phẩm cùng ngành nghề, tìm kiếm sản phẩm mới để tiến tới tăng thị phần doanh thu so với bao xi măng hiện tại.
- Thường xuyên bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ đảm bảo việc quản lý điều hành các hoạt động của Công ty thực sự có hiệu quả cao.

## Mục tiêu hàng năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	75	100	100	120
Doanh thu thuần và thu nhập khác	Tỷ đồng	880	968	1.065	1.171
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40	44	48	53
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30.89	33.98	37.37	41.11
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,118	3,398	3,737	3,426
Cổ tức	%	20	20	20	20
Thu nhập bình quân	đồng/ người/ tháng	8,295,000	8,709,750	9,145,238	9,602,499

## Chỉ tiêu kế hoạch năm sau

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2018	KH 2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	931	880
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27.87	30.89

## Phương hướng thực hiện

### Trong hoạt động sản xuất

Quản lý định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng sản phẩm một cách chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, lựa chọn những nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào ổn định, uy tín, chất lượng. Bên cạnh đó trong quá trình sản xuất có những nguyên liệu có thể tái chế được như hạt nhựa nguyên sinh, giấy Kraf doanh nghiệp có thể tận dụng được.

### Trong hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư luôn được ưu tiên lên hàng đầu khi có cơ hội. Đầu tư có thể là đầu tư mở rộng thêm nhà máy, đầu tư máy móc thiết bị mới, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Dù là hình thức đầu tư nào đi chăng nữa thì mục tiêu cuối cùng mà doanh nghiệp muốn vẫn là tăng trưởng gắn với phát triển bền vững.

### Trong hoạt động marketing

Trong chuỗi giá trị sản xuất bao bì Nhựa thì hoạt động phân phối sản phẩm đến tay khách hàng là rất quan trọng. Nhằm quảng bá thương hiệu của Nhựa, bao bì Vinh đến với khách hàng, công ty đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động Marketing nhằm duy trì các khách hàng hiện tại và tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng gia tăng lợi nhuận, mở rộng thị phần.

### Trong hoạt động cung ứng

Áp dụng chính sách chiết khấu đối với từng khách hàng nhằm đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ sản phẩm, tránh tồn kho quá lâu. Tuy nhiên cần phải đảm bảo khả năng thu hồi nợ của khách hàng đảm bảo khả năng tài chính của doanh nghiệp.

### Trong hoạt động nhân sự

Luôn luôn chú trọng vào hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động cũng như tuyển dụng những nhân viên có trình độ chuyên môn cao có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành để đáp ứng yêu cầu công việc. Kèm theo đó những chính sách đãi ngộ người lao động cũng được công ty lưu ý đến nhằm giữ chân những người giỏi cũng như khuyến khích tinh thần làm việc của họ.

### Trong hoạt động kinh doanh

Hướng tới quản lý chặt chẽ và thống nhất từ khâu sản xuất tới khâu tiêu thụ, tiết giảm các chi phí.

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ



## Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp.

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch	11	100%	
2	Ông Lê Xuân Thọ	P. Chủ tịch	11	100%	
3	Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên	4	67%	Miễn nhiệm 10/04/2018
4	Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	10	91%	Bổ nhiệm 10/04/2018
5	Ông Nguyễn Hữu Long	Ủy viên	10	91%	Công tác
6	Bà Phạm Minh Nguyệt	Ủy viên	7	64%	Công tác

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CPPT)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT		
2	Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên HĐQT		
3	Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên HĐQT		
4	Ông Phan Văn Toàn	Thành viên HĐQT		
5	Bà Phạm Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT		

### Đánh giá của Hội đồng quản trị năm 2018

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT. Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

### Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2018

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	119/QN-HĐQT2018	27/01/2018	- Thông qua hệ thống các quy chế. - Thông qua Thỏa ước lao động tập thể. - Thông qua Định mức kinh tế kỹ thuật. - Thông qua Định biên biên chế. - Phương án xây dựng chi tiết định mức lao động, đơn giá tiền lương 2018. - Định hướng thị trường năm 2018 - Lập kế hoạch thu hồi công nợ theo yêu cầu của BKS - Xây dựng kế hoạch năm 2018 - Quyết toán năm 2017
2	291/QĐ-HĐQT 2018	12/4/2018	- Thông qua kế hoạch quý I, 2018 của HĐQT. - Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
3	292/QN-HĐQT2018	12/4/2018	- Đánh giá kết quả triển khai thực hiện nghị quyết Quý I của HĐQT đối với BĐH, kế hoạch hoạt động Quý II của HĐQT - Báo cáo tiến độ quyết toán đầu tư nhà máy 3 và quyết toán đầu tư năm 2017 với COECCO. - Báo cáo thông qua phê duyệt định mức KTKT của công ty. - Triển khai xây dựng chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018. - Phân công nhiệm vụ chỉ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2022.
4	307/QĐ-HĐQT2018	16/04/2018	- Quyết định bổ nhiệm đại diện lãnh đạo chất lượng công ty.
5	308/QĐ-HĐQT2018	16/04/2018	- Quyết định thành lập Ban ISO Công ty.
6	313/QN-HĐQT2018	17/04/2017	- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2018
7	345/QĐ-HĐQT2018	24/04/2018	- Xây dựng kế hoạch quý II 2018 và 6 tháng đầu năm - Quyết định chi trả cổ tức bằng tiền mặt
8	368/QĐ-HĐQT2018	3/5/2018	- Quyết định thông qua bộ định mức KTKT, kế hoạch sản xuất và Bộ định mức Lao động, đơn giá tiền lương 2018
9	410/QĐ-HĐQT2018	21/05/2018	- Quyết định cơ cấu lại Hội đồng xét duyệt giá
10	436/QĐ-HĐQT2018	31/05/2018	- Thông qua Quy chế tài chính của Công ty. - Chỉ định đơn vị báo cáo kiểm toán tài chính 2018. - Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2018
11	565/NQ-HĐQT 2018	9/8/2018	- Thông qua báo cáo quyết toán 6 tháng đầu năm 2018 - Triển khai kế hoạch công tác quý III của HĐQT - Định hướng công tác thị trường và đầu tư nhà máy số 4.
12	730/2018/NQ-HĐQT	5/11/2018	- Nghị quyết về việc huy động vốn các cá nhân trong và ngoài công ty.
13	798/QĐ-HĐQT2018	15/12/2018	- Quyết định thành lập Ban kiểm kê tài sản.

**Thành viên HĐQT độc lập:** Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

**Các tiểu ban trực thuộc HĐQT độc lập:** Công ty không thành lập tiểu ban Hội đồng quản trị độc lập



## Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Tạ Quang Mạnh	Ủy viên			Miễn nhiệm 10/04/2018
2	Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	11	100%	
3	Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	5	46%	
4	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	3	27%	Bổ nhiệm 10/04/2018

### Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa Bao bì Vinh được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, bao gồm 3 thành viên; trong đó Trưởng ban làm việc chuyên trách tại Công ty, các thành viên khác làm việc kiêm nhiệm. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm qua đã tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Năm 2018 Ban kiểm soát thực thi những hoạt động chủ yếu sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực thi các nhiệm vụ.
- Định kỳ kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác của các số liệu tài chính.
- Xem xét các Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do Ban điều hành thực hiện.
- Kiểm tra, xem xét trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, nội quy, quy chế quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, BGD và tham gia đóng góp ý kiến.
- Thực hiện một số công tác khác theo quy định của Luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.

## Tăng cường quản trị công ty

### Tuân thủ quy định về quản trị Công ty

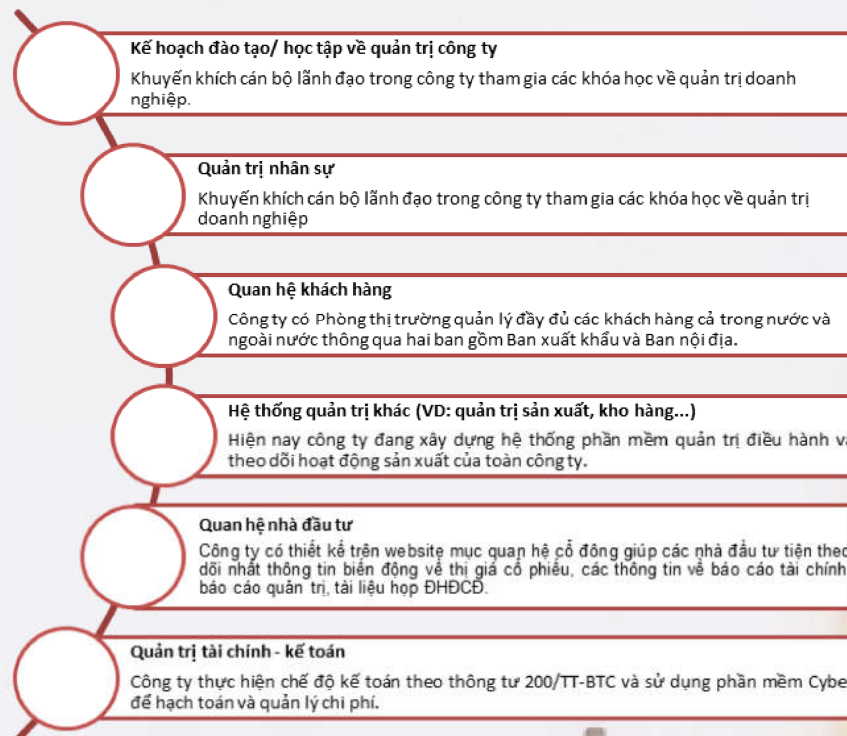
*Thông qua Báo cáo Tài Chính và Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng/quý, 6 tháng, năm. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, công tác công nghệ chất lượng. T hông qua phương án đầu tư mở rộng, kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị thay thế tăng năng lực sản xuất. Bổ nhiệm Giám đốc điều hành, định hướng mô hình tổ chức biên chế. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Những điểm đạt được:*

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp cùng với Ban Giám đốc xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.
  - Hoạt động quản trị: điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Ban điều hành Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về Quản trị Công ty.
  - Ban Giám đốc hàng quý đều gửi Báo cáo tài chính cho HĐQT để kịp thời có sự chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính kịp thời phục vụ cho các quyết định của ĐHCĐ.
  - Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị và đã đem lại kết quả kinh tế hiệu quả.
  - Ngoài ra, thực hiện tốt các chính sách cho người lao động, các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:
- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin.
  - Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
  - Xây dựng điều lệ, quy chế quản trị bám sát theo luật Doanh Nghiệp 2014 và Nghị định 71.
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

### Những điểm cần khắc phục

- Công tác quản lý còn lỏng lẻo, chưa có sự thống nhất, chất lượng sản phẩm vẫn còn mắc một số lỗi chủ quan.
- Thực hiện công việc còn chậm trễ làm ảnh hưởng quá trình sản xuất kinh doanh.

### Tăng cường hiệu quả quản trị công ty



## Quản trị rủi ro



### Rủi ro tỷ giá

Trong chuỗi giá trị sản xuất của mình, công ty phải nhập khẩu các nguyên liệu vật liệu chính từ các nhà cung cấp nước ngoài do vậy công ty có thể gặp rủi ro tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.



### Rủi ro chuỗi cung ứng

Là rủi ro phát sinh khi nguồn cung cấp nguyên liệu không có sẵn và/hoặc thiếu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm. Công ty tìm kiếm nhà cung cấp lâu năm, có uy tín và chất lượng.



### Rủi ro về pháp luật

Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thương xuyên thay đổi.
- Để hạn chế những tác động này, công ty đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất.



### Rủi ro kinh tế

Rủi ro hệ thống là những rủi ro mang tính khách quan, doanh nghiệp hoàn toàn không thể lường trước được như lạm phát, thay đổi lãi suất.... Những rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại phù hợp với nhu cầu về nguồn vốn sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ để tiết kiệm chi phí sử dụng vốn và áp lực phải trả lãi.



### Rủi ro về sản phẩm thay thế

Sản phẩm thay thế là một yếu tố đe dọa tới thị phần trong tương lai của doanh nghiệp, do đó công ty cần nghiên cứu, thử nghiệm các sản phẩm mới thân thiện với môi trường, mẫu mã phong phú, đảm bảo yếu tố kinh tế trong sản từng sản phẩm.



### Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Sản phẩm trong quá trình sản xuất có thể gặp vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Do vậy, công ty luôn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 vào trong quá trình sản xuất.



### Rủi ro tín dụng

Là rủi ro mà một bên tham gia trong cùng một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác. Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Ngoài ra, Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Về tiền gửi ngân hàng, công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tài các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam.



### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Đánh giá của Ban giám đốc
3. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

## Mục tiêu phát triển bền vững

"Xuất phát từ mục tiêu cuối cùng mà Công ty hướng đến là sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia, Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh đã không ngừng cố gắng nỗ lực gắn liền tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh với các hoạt động phát triển bền vững như luôn quan tâm đến khả năng tái sử dụng các nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo an toàn khi xả thải nước ra môi trường, luôn chú trọng trang bị đồ bảo hộ lao động cho người lao động hay có các hoạt động từ thiện chia sẻ đóng góp cho cộng đồng ở địa phương. Toàn thể ban lãnh đạo công ty luôn tâm niệm làm sao có thể vừa cân bằng hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển bền vững vì chỉ khi có sự ủng hộ của cộng đồng thì doanh nghiệp mới có thể đi xa phát triển lâu bền trong mọi hoàn cảnh".

### Đánh giá của Ban giám đốc

#### Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Đối với việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, nước mưa và nước thải sinh hoạt có hệ thống mương, máng để gom, xử lý và bể lắng lọc tại điểm xả cuối trước khi thải ra môi trường. Kết quả quan trắc hàng năm, nước thải đạt các chỉ số cho phép. Các chất thải rắn thông thường, phế liệu trong quá trình sản xuất được vận chuyển sang cơ sở 2 ở Khu Công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để đưa vào tái chế, sử dụng. Còn chất thải nguy hại chủ yếu là dầu, mỡ cháy máy, giẻ lau bám dầu mỡ, bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng mực in... được đưa vào phân loại, bảo quản trong thùng phi và lưu giữ tại kho riêng. Hàng năm cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

#### Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Kinh phí đóng 3 loại bảo hiểm này cho lao động tại cơ sở ở TP. Vinh là hơn 1,9 tỷ đồng/năm. Công ty cũng chú trọng đến chất lượng các bữa ăn của công nhân tại nhà máy. Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động. Ban giám đốc cũng rút ra cần chú trọng hơn vào việc trang bị thêm thiết bị bảo hộ, cụ thể là nút tai chống tiếng ồn ở một số vị trí người lao động làm việc có tiếng ồn máy móc lớn.

#### Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng - xã hội

Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn. Do đó, công ty luôn quyên góp cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vào dịp khai giảng năm học mới hay là các chương trình hỗ trợ người nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An vào các dịp đầu xuân năm mới.



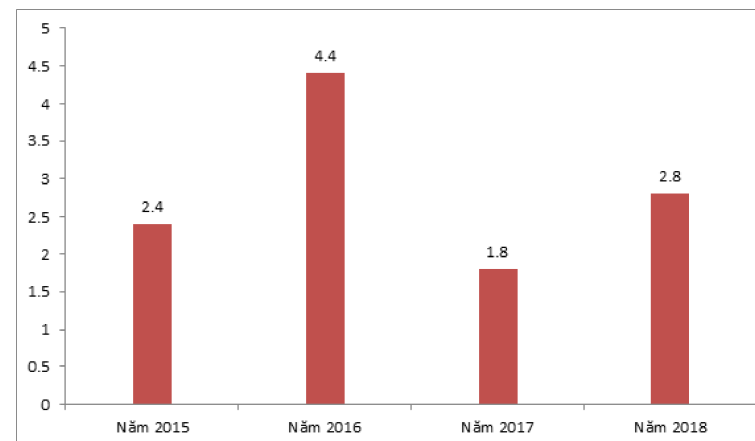
## Các chỉ tiêu phát triển bền vững

STT	Nguyên vật liệu chính	Số lượng (kg)	Số tiền	% giá thành phẩm
1	Hạt PP			
2	Giấy Kraft			
3				

Giấy Kraft làm từ bột giấy hóa học của gỗ mềm, được xử lý qua quá trình Kraft. Vì vậy đây cũng được coi là loại giấy tái sinh. Giấy có tính chất đàn hồi, dẻo dai và tương đối thô. Độ bền kéo, xé lớn, bắt mực tốt. Có trọng lượng 70-8-g/m<sup>2</sup>. Định lượng giấy trung bình thường 50-175g/m<sup>2</sup>. Giấy Kraft còn được tái chế thành các loại giấy tập học sinh, giấy cho thùng carton. Vì thế, loại giấy này rất thân thiện với môi trường, đặc biệt là rất dễ phân hủy.

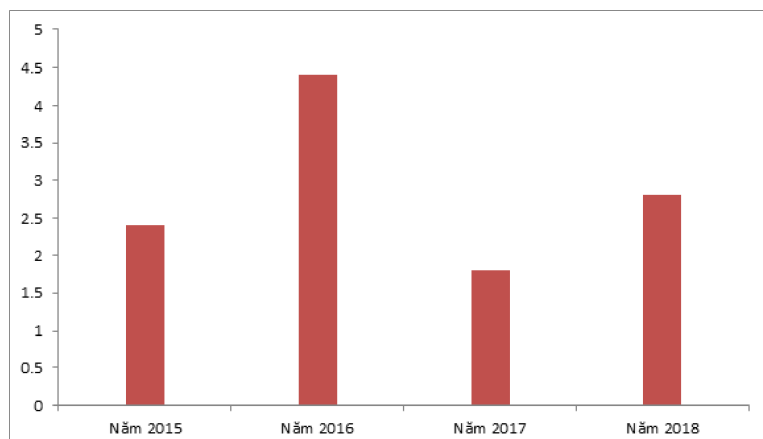
Hạt nhựa PP là sản phẩm của quá trình lọc hóa dầu mỏ. Nhựa PP trong suốt, độ bóng bề mặt cao cho khả năng in ấn cao, nét in rõ. Có tính chất chống O<sub>2</sub>, dầu mỡ và các khí khác. Tính bền cơ học cao, khá cứng vững, không mềm dẻo như PE, do đó có thể chế tạo thành sợi. Đặc biệt khả năng bị xé rách dễ dàng khi có một vết cắt. Hạt nhựa PP không màu, không mùi, không vị, không độc. Hạt nhựa PP nguyên sinh có thể tái chế được nên rất thân thiện với môi trường và an toàn sức khỏe cho người lao động.

### Tình hình tiêu thụ hạt nhựa PP giai đoạn 2015 - 2018:



Tỷ lệ hạt PP được tái chế = Khối lượng hạt PP tái sử dụng / Tổng khối lượng hạt đã sử dụng

### Tình hình tiêu thụ giấy Kraft giai đoạn 2015 - 2018:



Tỷ lệ giấy Kraft được tái chế = Khối lượng giấy tái sử dụng / Tổng khối lượng giấy đã sử dụng

## Các chỉ tiêu phát triển bền vững

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra MT thường xuyên đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường.

Trong những năm vừa qua, cùng với sự phát triển của xã hội, ngành công nghiệp Nhựa ngày càng gia tăng nhanh chóng không chỉ về sản lượng sản xuất mà còn nâng cao cả về chất lượng. Đây là ngành công nghiệp tiêu biểu cho hoạt động sản xuất trong nước, thu hút một lượng lớn lao động. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành nhựa cũng kéo theo các hệ lụy về ô nhiễm môi trường. Việc thực hiện trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường và hướng tới cộng đồng là nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh luôn không ngừng tuân thủ các yêu cầu khắt khe, các quy định xử lý cả trong và sau sản xuất đáp ứng sản phẩm đầu ra chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

#### Nguyên vật liệu

Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, vật liệu sản xuất được đưa vào tái chế vừa tiết kiệm vừa có lợi cho môi trường xã hội.

#### Nước

Nước dùng trong sản xuất là nước sạch. Nước thải sinh hoạt được Công ty sử dụng trạm xử thải tiên tiến, quy trình xử lý nước thải luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

#### Điện

Công ty luôn chú trọng vấn đề tiêu thụ điện, tiết kiệm năng lượng và không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm điện năng khả thi đồng thời nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo trong việc sử dụng tiết kiệm điện.



### Chính sách đối với người lao động

Công ty đảm bảo chế độ lương, thưởng hợp lý đối với từng cán bộ công nhân viên tùy theo loại hình công việc và đối tượng lao động, có phụ cấp hay đặc biệt là thưởng lễ, tết cho công nhân viên. Khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động. Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đều được đóng đầy đủ các loại Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp. Duy trì chế độ ăn theo ca, bảo đảm định lượng tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện đào tạo và tái đào tạo cho nhân viên đảm bảo được chuyên môn và quy trình tác nghiệp. Tổ chức tập huấn, tuân thủ các quy định về Công tác an toàn, bảo hộ lao động và phòng cháy chữa cháy. Chăm lo tinh thần đời sống người lao động qua các hoạt động đoàn thể, văn hóa, thể thao...

Chính sách liên quan đến người lao động:

- Công ty đảm bảo chế độ lương, thưởng hợp lý đối với từng cán bộ công nhân viên tùy theo loại hình - công việc và đối tượng lao động, có phụ cấp hay đặc biệt là thưởng lễ, tết cho công nhân viên.
- Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đều được đóng đầy đủ các loại Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.
- Khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động.
- Duy trì chế độ ăn theo ca, bảo đảm định lượng tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thực hiện đào tạo và tái đào tạo cho nhân viên đảm bảo được chuyên môn và quy trình tác nghiệp.
- Tổ chức tập huấn, tuân thủ các quy định về Công tác an toàn, bảo hộ lao động và phòng cháy chữa cháy.
- Chăm lo tinh thần đời sống người lao động qua các hoạt động đoàn thể, văn hóa, thể thao...
- Các hoạt động ngoài giờ như: 20/10, 8/3, 1/5, Trung thu luôn được doanh nghiệp tổ chức cho người lao động.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty có các hoạt động đầu tư cộng đồng và phát triển cộng đồng như:

- Tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho các lao động trên địa bàn.
- Phối hợp phổ biến, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về Kế hoạch hóa gia đình, HIV/AIDS, ma túy.
- Vận động và đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa; tặng quà cho gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện chính sách.
- Kêu gọi Cán bộ nhân viên quyên góp 1 ngày lương ủng hộ đồng bào miền Trung chịu lũ lụt.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 33

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quận 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 6 năm 2017.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:**

- In ấn. Chi tiết: in bao bì;
- Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bia. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì xi măng;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán xi măng.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Long	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2017
Ông Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2005

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2017).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

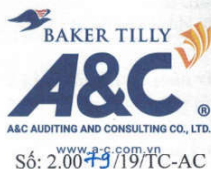
**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Xuân Thọ  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2019



**Head Office** 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam  
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

**Branch in Hanoi** 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi  
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

**Branch in Nha Trang** Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City  
Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

**Branch in Can Tho** I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Can Tho City  
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

15-02  
HÀNH  
CÔNG TY  
NHỰA  
BÀO BÌ  
VINH  
& C  
HÀ NỘI  
1-TP

15-02  
HÀNH  
CÔNG TY  
NHỰA  
BÀO BÌ  
VINH  
& C  
HÀ NỘI  
1-TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>388.049.661.009</b>	<b>316.785.092.510</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.677.425.348</b>	<b>8.091.796.485</b>
1. Tiền	111		5.677.425.348	8.091.796.485
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>231.596.186.091</b>	<b>221.265.809.871</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	230.278.455.542	219.449.240.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.277.855.610	3.184.522.560
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	135.320.039	134.032.077
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.095.445.100)	(1.501.985.388)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>145.852.668.690</b>	<b>85.214.481.900</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	145.852.668.690	85.214.481.900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.923.380.880</b>	<b>2.213.004.254</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.176.706.123	1.427.392.573
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.746.674.757	785.611.681
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>98.308.170.396</b>	<b>103.124.321.499</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>92.500.277.833</b>	<b>95.678.540.956</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92.500.277.833	95.678.540.956
<i>Nguyên giá</i>	222		224.798.591.177	215.411.142.672
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(132.298.313.344)	(119.732.601.716)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>66.842.727</b>	<b>124.315.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		66.842.727	124.315.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.741.049.836</b>	<b>7.321.465.543</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.741.049.836	7.321.465.543
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>486.357.831.405</b>	<b>419.909.414.009</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>374.662.894.619</b>	<b>315.460.053.372</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.703.433.185</b>	<b>285.450.675.963</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	104.795.275.821	110.304.782.396
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	259.775.835	1.047.683.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.471.534.017	2.910.697.079
4. Phải trả người lao động	314		25.120.427.704	18.981.137.948
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.585.365.588	1.892.512.158
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.123.929.883	778.980.081
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	214.454.365.087	145.983.523.551
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.892.759.250	3.551.359.250
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.959.461.434</b>	<b>30.009.377.409</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	18.059.461.434	29.109.377.409
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		900.000.000	900.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>111.694.936.786</b>	<b>104.449.360.637</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>111.694.936.786</b>	<b>104.449.360.637</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.367.822.092	1.188.416.174
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.877.520.149	26.811.349.918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	26.811.349.918
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.877.520.149	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>486.357.831.405</b>	<b>419.909.414.009</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Giám đốc

*Trần Thị Quế Lâm*

*Phan Văn Toàn*



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	935.169.447.077	763.387.201.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.717.683.205	64.827.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		931.451.763.872	763.322.374.110
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	843.582.924.497	682.913.881.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.868.839.375	80.408.492.396
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	470.645.344	339.595.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.617.146.285	13.091.217.540
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.591.100.066	12.779.621.452
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	20.240.000.845	17.756.538.574
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.009.592.880	15.745.578.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.472.744.709	34.154.753.470
11. Thu nhập khác	31	VI.8	282.231.395	400.543.953
12. Chi phí khác	32	VI.9	714.160.771	339.472.566
13. Lợi nhuận khác	40		(431.929.376)	61.071.387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.040.815.333	34.215.824.857
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	7.163.295.184	7.404.474.939
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.877.520.149</u>	<u>26.811.349.918</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.951</u>	<u>4.447</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>2.951</u>	<u>4.447</u>

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		975.246.457.674	765.438.312.864
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(851.705.694.698)	(612.000.127.858)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(110.998.572.824)	(84.785.232.687)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13.553.402.516)	(11.772.430.910)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(8.272.333.168)	(6.899.769.457)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.147.945.691	2.327.491.362
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.357.197.576)	(36.910.913.884)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<u>(33.492.797.417)</u>	<u>15.397.329.430</u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.820.671.327)	(19.840.349.250)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	85.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.688.712	6.280.623
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<u>(10.728.982.615)</u>	<u>(19.834.068.627)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	901.275.181.478	658.821.123.821		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(844.468.564.414)	(639.553.001.528)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(14.999.944.000)	(14.682.379.750)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>41.806.673.064</b>	<b>4.585.742.543</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.415.106.968)</b>	<b>149.003.346</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.091.796.485</b>	<b>7.942.187.398</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		735.831	605.741		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.677.425.348</b>	<b>8.091.796.485</b>		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Giám đốc



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1090 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1067 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

##### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

##### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

##### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

##### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Khí mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

**14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

**15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giá trị thực của giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	170.730.187	202.568.768
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.506.695.161	7.889.227.717
<b>Cộng</b>	<b>5.677.425.348</b>	<b>8.091.796.485</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>230.278.455.542</i>	<i>219.449.240.622</i>
Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	52.137.922.161	53.528.449.961
Công ty TNHH Long Sơn	12.056.861.300	22.312.848.250
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	37.679.363.557	20.479.401.063
Các khách hàng khác	128.404.308.524	123.128.541.348
<b>Cộng</b>	<b>230.278.455.542</b>	<b>219.449.240.622</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.277.855.610</i>	<i>3.184.522.560</i>
Polymma (H.K) Co.Ltd		1.007.880.000
Roxcel Handel Sgesellschaft.M.B.H		1.576.101.128
Công ty TNHH Đức Dung	1.683.000.000	
Các nhà cung cấp khác	594.855.610	600.541.432
<b>Cộng</b>	<b>2.277.855.610</b>	<b>3.184.522.560</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>135.320.039</i>		<i>134.032.077</i>	
Tạm ứng	130.238.998		110.882.077	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.081.041		23.150.000	
<b>Cộng</b>	<b>135.320.039</b>		<b>134.032.077</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**5. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng	Trên 3 năm	857.135.000		Trên 3 năm	857.135.000	
Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Viễn thông Nghệ An				Trên 3 năm	343.063.950	
Công ty Cổ phần Giải pháp ERP - ITG	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	207.090.000	62.127.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	207.090.000	103.545.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ MOICO				Từ 1 năm đến dưới 2 năm	248.137.000	124.068.500
Công ty Xi măng Phương Hải - Ninh Thuận				Từ 1 năm đến dưới 2 năm	148.345.875	74.172.937
Công ty Cổ phần Mía đường Sóng Lam	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	311.157.000	217.809.900			
<b>Cộng</b>		<b>1.375.382.000</b>	<b>279.936.900</b>		<b>1.803.771.825</b>	<b>301.786.437</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	1.501.985.388
Trích lập dự phòng bổ sung	134.765.100
Hoàn nhập dự phòng	(541.305.388)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.095.445.100</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	62.512.713.236		35.968.234.971	
Công cụ, dụng cụ	3.533.690.572		1.464.245.725	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.814.043.653		32.940.941.917	
Thành phẩm	26.992.221.229		13.964.754.701	
Hàng gửi bán			876.304.586	
<b>Cộng</b>	<b>145.852.668.690</b>		<b>85.214.481.900</b>	

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	920.238.161	1.145.851.387
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	198.407.183	69.785.417
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.060.779	211.755.769
<b>Cộng</b>	<b>1.176.706.123</b>	<b>1.427.392.573</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất (*)	2.923.143.662	3.033.105.180
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.169.999.140	2.790.979.364
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	647.907.034	1.497.380.999
<b>Cộng</b>	<b>5.741.049.836</b>	<b>7.321.465.543</b>

(\*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	51.714.491.337	148.929.769.529	13.805.975.162	910.616.644	50.290.000	215.411.142.672
Mua trong năm	1.295.017.897	2.002.772.773				3.297.790.670
Đầu tư XD CB hoàn thành	765.018.761	8.707.827.539		124.315.000		9.597.161.300
Tặng khác (nâng cấp TSCĐ)			79.817.000			79.817.000
Thanh lý, nhượng bán		(3.533.483.600)		(53.836.865)		(3.587.320.465)
<b>Số cuối năm</b>	<b>53.774.527.995</b>	<b>156.106.886.241</b>	<b>13.885.792.162</b>	<b>981.094.779</b>	<b>50.290.000</b>	<b>224.798.591.177</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.712.251.084	58.802.870.696	3.306.129.708	339.064.871	50.290.000	73.210.606.359
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	23.646.777.129	88.349.387.187	7.127.951.805	558.195.595	50.290.000	119.732.601.716
Khấu hao trong năm	4.686.471.686	9.658.295.214	1.768.879.557	153.111.687		16.266.758.144
Thanh lý, nhượng bán		(3.533.483.600)		(53.836.865)		(3.587.320.465)
Giảm khác (điều chỉnh theo biên bản KTNN 2017)	(8.791.591)	(104.934.459)				(113.726.050)
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.324.457.224</b>	<b>94.369.264.341</b>	<b>8.896.831.362</b>	<b>657.470.417</b>	<b>50.290.000</b>	<b>132.298.313.344</b>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	28.067.714.208	60.580.382.342	6.678.023.357	352.421.049		95.678.540.956
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.450.070.771</b>	<b>61.737.621.900</b>	<b>4.988.960.800</b>	<b>323.624.362</b>		<b>92.500.277.833</b>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 64.152.023.742 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	124.315.000	8.707.827.539	(8.832.142.539)	66.842.727
Xây dựng cơ bản dở dang		831.861.488	(765.018.761)	66.842.727
Hạng mục Nhà máy sản xuất bao bì và các sản phẩm từ nhựa giai đoạn 2		66.842.727		66.842.727
Hạng mục Đầu tư mái nối nhà xưởng nhà máy 02 và nhà máy 03		765.018.761	(765.018.761)	
<b>Cộng</b>	<b>124.315.000</b>	<b>9.539.689.027</b>	<b>(9.597.161.300)</b>	<b>66.842.727</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>6.834.600.001</b>	<b>5.544.725.100</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái		2.278.778.350
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	6.834.600.001	3.265.946.750
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>97.960.675.820</b>	<b>104.760.057.296</b>
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	10.422.520.693	14.909.900.772
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	21.596.905.495	7.219.364.280
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	6.339.112.399	21.056.877.200
Công ty TNHH Minh Hoàng	13.881.520.153	
Các nhà cung cấp khác	45.720.617.080	61.573.915.044
<b>Cộng</b>	<b>104.795.275.821</b>	<b>110.304.782.396</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>259.775.835</b>	<b>1.047.683.500</b>
Khamkeut Saen Oudom Gold Mining Co.Ltd		1.016.293.500
Kieul Co.Ltd	103.477.076	
Modern Pack Co.Ltd	97.545.699	
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	27.713.400	
Các khách hàng khác	31.039.660	31.390.000
<b>Cộng</b>	<b>259.775.835</b>	<b>1.047.683.500</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		20.614.091.395	(20.614.091.395)	
Thuế xuất, nhập khẩu		754.117.460	(754.117.460)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.566.052.649	7.163.295.184	(8.272.333.168)	1.457.014.665
Thuế thu nhập cá nhân	344.644.430	505.528.392	(835.653.470)	14.519.352
Thuế đất, tiền thuê đất		439.068.715	(439.068.715)	
Các loại thuế khác		4.000.000	(4.000.000)	
<b>Cộng</b>	<b>2.910.697.079</b>	<b>29.480.101.146</b>	<b>(30.919.264.208)</b>	<b>1.471.534.017</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.040.815.333	34.215.824.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	775.660.587	662.118.347
- Các khoản điều chỉnh tăng	927.258.310	662.118.347
<i>Chi phí không phục vụ hoạt động SXKD</i>	43.510.000	277.228.769
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng</i>		11.000.000
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	269.377.402	177.031.940
<i>Chi phí hàng rách vỡ không được trừ</i>	317.407.720	17.953.527
<i>Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt xử lý thuế</i>	294.142.720	91.142.658
<i>Lỗ CLTG hồi đoái do đánh giá lại tiền và phải thu có gốc ngoại tệ</i>		87.761.453
<i>Các khoản chi phí khác</i>	2.820.468	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(151.597.723)	
<i>Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu năm trước</i>	(87.761.453)	
<i>Lãi CLTG hồi đoái do đánh giá lại tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm nay</i>	(63.836.270)	
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>35.816.475.920</b>	<b>34.877.943.204</b>
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗ các năm trước được chuyển		
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>35.816.475.920</b>	<b>34.877.943.204</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>7.163.295.184</b>	<b>6.975.588.641</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		<b>428.886.298</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.163.295.184</b>	<b>7.404.474.939</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuế đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>5.585.365.588</b>	<b>1.892.512.158</b>
Lãi vay trích trước	209.328.706	171.631.156
Lương phép, lương lễ, lương thêm giờ, lương năng suất trích trước	5.328.536.882	1.720.881.002
Các khoản trích trước khác	47.500.000	
<b>Cộng</b>	<b>5.585.365.588</b>	<b>1.892.512.158</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>1.123.929.883</b>	<b>778.980.081</b>
Kinh phí công đoàn	836.530.247	347.568.328
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	138.919.150	46.826.932
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	148.480.486	384.584.821
<b>Cộng</b>	<b>1.123.929.883</b>	<b>778.980.081</b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Vay Ông Phan Văn Toàn <sup>(i)</sup>	500.000.000	500.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>213.954.365.087</b>	<b>145.483.523.551</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	189.609.347.387	121.691.523.551
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An <sup>(ii)</sup>	74.320.279.598	67.807.558.628
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh <sup>(iii)</sup>	51.512.241.595	28.064.516.786
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An <sup>(iv)</sup>	63.776.826.194	25.819.448.137
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(i)</sup>	14.002.000.000	17.792.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	10.343.017.700	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>214.454.365.087</b>	<b>145.983.523.551</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

<sup>(i)</sup> Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, từ tháng 7 năm 2018 trở đi áp dụng lãi suất là 7,4%/năm, thời hạn vay 1 năm.<sup>(ii)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 4 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đơn vị.<sup>(iii)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 4 tháng. Khoản**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đơn vị.

<sup>(iv)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản một số máy móc thiết bị và đảm bảo bằng các khoản phải thu luân chuyển.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
				giá do đánh giá lại cuối năm		
Vay ngắn hạn ngân hàng	121.691.523.551	872.639.401.678		397.373.497*	(805.118.951.339)	189.609.347.387
Vay ngắn hạn các cá nhân	18.292.000.000	25.670.000.000			(29.460.000.000)	14.502.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000		10.343.017.700		(6.000.000.000)	10.343.017.700
<b>Cộng</b>	<b>145.983.523.551</b>	<b>898.309.401.678</b>	<b>10.343.017.700</b>	<b>397.373.497</b>	<b>(840.578.951.339)</b>	<b>214.454.365.087</b>

**15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An <sup>(i)</sup>	13.191.589.434	20.235.153.409
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh <sup>(ii)</sup>	2.283.072.000	4.566.224.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An <sup>(iii)</sup>	2.584.800.000	4.308.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.059.461.434</b>	<b>29.109.377.409</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua máy móc thiết bị với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.<sup>(ii)</sup> Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh để mua máy móc thiết bị với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị vay mua.<sup>(iii)</sup> Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua tài sản cố định với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định vay mua.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	10.343.017.700	6.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	18.059.461.434	29.109.377.409
Trên 5 năm		
<b>Cộng</b>	<b>28.402.479.134</b>	<b>35.109.377.409</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay như sau:

<b>Số đầu năm</b>	<b>29.109.377.409</b>
Số tiền vay phát sinh	2.965.779.800
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	216.935.000
Số tiền vay đã trả	(3.889.613.075)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(10.343.017.700)
<b>Số cuối năm</b>	<b>18.059.461.434</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Quỹ khen thưởng	2.625.905.763	3.217.200.000	(4.697.000.000)	1.146.105.763
Quỹ phúc lợi	925.453.487	2.144.800.000	(1.323.600.000)	1.746.653.487
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		270.000.000	(270.000.000)	
<b>Cộng</b>	<b>3.551.359.250</b>	<b>5.632.000.000</b>	<b>(6.290.600.000)</b>	<b>2.892.759.250</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	29.999.890.000	1.449.994.545		40.320.619.537	26.435.571.637	98.206.075.719
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	44.999.830.000					44.999.830.000
Tăng khác			(120.000)			(120.000)
Lợi nhuận trong năm trước				5.867.626.637	(11.435.626.637)	(5.568.000.000)
Trích lập các quỹ				(44.999.830.000)	(14.999.945.000)	(59.999.775.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận						
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>	<b>(120.000)</b>	<b>1.188.416.174</b>	<b>26.811.349.918</b>	<b>104.449.360.637</b>
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	1.188.416.174	26.811.349.918	104.449.360.637
Lợi nhuận trong năm nay				6.179.405.918	27.877.520.149	27.877.520.149
Trích lập các quỹ					(11.811.405.918)	(5.632.000.000)
Chia cổ tức					(14.999.944.000)	(14.999.944.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>	<b>(120.000)</b>	<b>7.367.822.092</b>	<b>27.877.520.149</b>	<b>111.694.936.786</b>

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Các cổ đông khác	36.780.400.000	36.780.400.000
<b>Cộng</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>74.999.720.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**17c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 như sau:

	<b>VND</b>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 14.999.944.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 6.179.405.918
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành	: 5.632.000.000

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****18a. Ngoại tệ các loại**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dollar Mỹ (USD)	6.726,32	2.962,37

**18b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
<b>Cộng</b>	<b>491.467.370</b>	<b>491.467.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu, bán thành phẩm	89.388.514.702	5.115.580.133
Doanh thu bán thành phẩm	845.780.932.375	758.271.620.977
<b>Cộng</b>	<b>935.169.447.077</b>	<b>763.387.201.110</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái		
Doanh thu bán thành phẩm	1.174.976.200	2.957.969.250
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành		
Doanh thu bán thành phẩm	7.993.751.740	7.368.709.200
Giảm giá hàng bán	987.978.600	

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	2.729.704.605	
Giảm giá hàng bán	987.978.600	64.827.000
<b>Cộng</b>	<b>3.717.683.205</b>	<b>64.827.000</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu, bán thành phẩm đã bán	84.593.033.587	4.784.867.823
Giá vốn của thành phẩm đã bán	758.989.890.910	678.129.013.891
<b>Cộng</b>	<b>843.582.924.497</b>	<b>682.913.881.714</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.688.712	6.280.623
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	297.271.639	333.314.978
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	166.684.993	
<b>Cộng</b>	<b>470.645.344</b>	<b>339.595.601</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.591.100.066	12.779.621.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.026.046.219	113.920.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		197.675.386
<b>Cộng</b>	<b>16.617.146.285</b>	<b>13.091.217.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.525.563.190	1.127.000.542
Chi phí vật liệu, bao bì	2.480.957.967	1.975.015.881
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		1.140.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.491.441.640	1.302.799.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.469.288.936	12.418.293.603
Các chi phí khác	1.272.749.112	932.289.306
<b>Cộng</b>	<b>20.240.000.845</b>	<b>17.756.538.574</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.489.772.909	7.691.660.728
Chi phí vật liệu quản lý	482.437.366	425.180.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.621.625.541	864.618.901
Chi phí khấu hao TSCĐ	377.814.818	576.165.885
Thuế, phí và lệ phí	771.464.671	576.296.636
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(406.540.288)	(659.684.944)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.137.129	2.608.618.192
Chi phí bằng tiền khác	4.338.880.734	3.662.722.236
<b>Cộng</b>	<b>16.009.592.880</b>	<b>15.745.578.413</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ công nợ do chất lượng nguyên liệu kém		32.087.396
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	85.000.000	
Thu từ phạt nhân viên vi phạm nội quy lao động	195.226.508	118.312.135
Thu nhập khác	2.004.887	250.144.422
<b>Cộng</b>	<b>282.231.395</b>	<b>400.543.953</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bao bì hỏng bị người mua trả lại	56.279.863	53.331.922
Thuế bị phạt, bị truy thu	294.142.720	214.064.563
Phí phạt vỏ bao hàng rách vỡ	317.407.720	
Chi phí khác	46.330.468	72.076.081
<b>Cộng</b>	<b>714.160.771</b>	<b>339.472.566</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.877.520.149	26.811.349.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.748.523.858)	(5.632.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	(5.748.523.858)	(5.632.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.128.996.291	21.179.349.918
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.499.960	4.762.991
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.951</b>	<b>4.447</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và khen thưởng cho Ban điều hành năm nay được tạm tính bằng kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.499.960	2.999.989
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2017 từ Quỹ đầu tư phát triển		1.763.002
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.499.960</b>	<b>4.762.991</b>

**10b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và tính lại cổ phiếu lưu hành bình quân. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 4.271 VND lên 4.447 VND.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	694.069.174.165	560.570.688.321
Chi phí nhân công	117.958.300.881	99.907.604.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.266.758.144	13.633.476.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.985.680.935	36.447.057.059
Chi phí khác	44.023.417.227	5.824.725.788
<b>Cộng</b>	<b>901.303.331.352</b>	<b>716.383.551.644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh ở Mục V.15.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.794.495.908	1.960.632.689

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành	Công ty có Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành		
<i>Mua nguyên vật liệu</i>	77.498.945.637	48.192.093.093

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.10.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	777.032.511.164	154.419.252.708	931.451.763.872
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>777.032.511.164</b>	<b>154.419.252.708</b>	<b>931.451.763.872</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	80.198.706.059	7.670.133.316	87.868.839.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.249.593.725)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			51.619.245.650
Doanh thu hoạt động tài chính			470.645.344
Chi phí tài chính			(16.617.146.285)
Thu nhập khác			282.231.395
Chi phí khác			(714.160.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.163.295.184)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>27.877.520.149</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>25.317.320.758</b>	<b>6.794.298.539</b>	<b>32.111.619.297</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>21.669.643.710</b>		<b>21.669.643.710</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	627.654.981.371	135.667.392.739	763.322.374.110
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>627.654.981.371</b>	<b>135.667.392.739</b>	<b>763.322.374.110</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.161.515.643	10.246.976.753	80.408.492.396
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(33.502.116.987)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			46.906.375.409
Doanh thu hoạt động tài chính			339.595.601
Chi phí tài chính			(13.091.217.540)
Thu nhập khác			400.543.953
Chi phí khác			(339.472.566)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.404.474.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>26.811.349.918</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>30.344.200.897</b>	<b>6.558.887.833</b>	<b>36.903.088.730</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>13.633.476.150</b>		<b>13.633.476.150</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	222.092.675.009	10.463.636.143	232.556.311.152
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	253.801.520.253		253.801.520.253
<b>Tổng tài sản</b>			<b>486.357.831.405</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	370.649.222.934	220.912.435	370.870.135.369
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.792.759.250
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>374.662.894.619</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	199.685.641.920	22.948.121.262	222.633.763.182
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	197.275.650.827		197.275.650.827
<b>Tổng tài sản</b>			<b>419.909.414.009</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	309.992.400.622	1.016.293.500	311.008.694.122
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.451.359.250
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>315.460.053.372</b>

**Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

**3. Thông tin khác**

Từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 21 tháng 7 năm 2018, Tổ kiểm toán thuộc đoàn Kiểm toán Nhà nước tại Quận khu 4 đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và có Biên bản kiểm toán vào ngày 21 tháng 7 năm 2018. Công ty đã thực hiện các điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước vào Báo cáo tài chính năm 2018.

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ